

SỬ KÝ TƯ MÃ THIÊN

Phần IV

THẾ GIA

GIẢN CHI & NGUYỄN HIẾN LÊ
chú dịch



Sử ký Tư Mã Thiên

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách : Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

MỤC LỤC

GIỚI THIỆU

TỀ

1. TỀ HOÀN CÔNG XUNG BÁ

TỔNG

2. TỔNG TƯƠNG CÔNG ĐÁNH TRỊNH

TẤN

3. LI CƠ GIẾT THÂN SINH

4. TẤN LINH CÔNG KHÔNG GIỮ ĐẠO LÀM VUA

VIỆT

5. CHU CÔNG CỨU NGƯỜI CON TRAI THỨ

TRIỆU

6. TRÌNH ANH BẢO TOÀN CON CÔI

KHỔNG TỬ

7. KHỔNG TỬ BỊ KHỐN Ở NƯỚC TRẦN, NƯỚC THÁI

8. TRẦN THIỆP

9. LƯU HẦU

10. TRẦN THỪA TƯỚNG

MỤC LỤC:

Giới thiệu

TỀ

1. Tề Hoàn Công xung bá

TỔNG

2. Tổng Tương Công đánh Trịnh

TẤN

3. Li Cơ giết Thân Sinh

4. Tấn Linh Công không giữ đạo làm vua

VIỆT

5. Chu Công cứu người con trai thứ

TRIỆU

6. Trình Anh bảo toàn con côi

KHỔNG TỬ

7. Khổng Tử bị khốn ở nước Trần, nước Thái

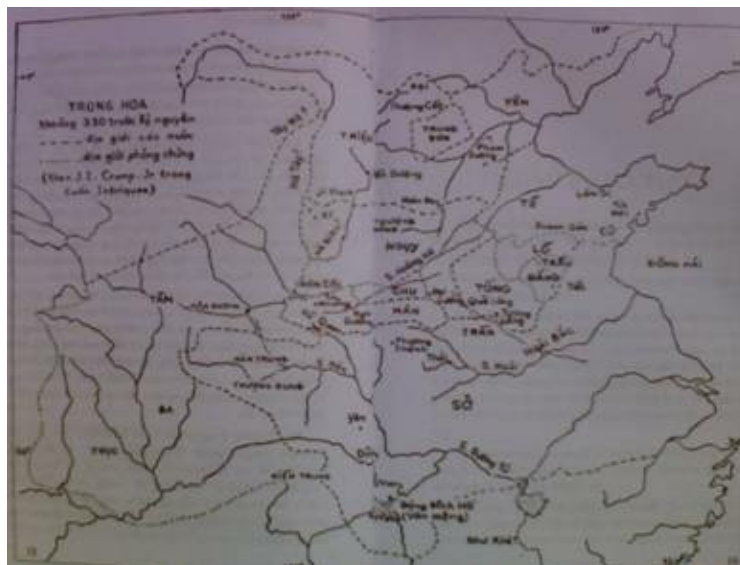
8. Trần Thiệp

9. Lưu Hầu

10. Trần Thừa Tướng

GIỚI THIỆU

(Trích)



Bản đồ Trung Hoa khoảng 330 tr. T.L.[\[1\]](#)

(...)

Tư Mã Thiên là người đầu tiên chép lại hết các thời đại cho tới đời ông tức là người đầu tiên soạn bộ *thông sử*: Bộ *Sử kí* của ông chép việc bắt đầu từ đời Hoàng Đế (2689-2597) đến niên hiệu Thái Sơ đời Hán Vũ Đế[\[2\]](#) (104-103 trước Tây lịch), trước sau khoảng hai ngàn rưỡi năm.

Tác phẩm chỉ xét về lượng cũng đã vĩ đại: 526.500 chữ, cộng 130 thiên chia làm năm phần:

Bản kỷ

Biểu

Thư

Thế gia

Liệt truyện

(...)

IV.- Phần *Thế gia* gồm ba mươi thiên, đánh số từ 31 đến 60 chép truyện các vương hầu, tướng quốc, tướng soái:

31. Ngô Thái Bá
32. Tề Thái Công
33. Lỗ Chu Công
34. Yên Triệu Công
35. Quản (Thúc Tiên), Thái (Thúc Độ)
36. Trần, Kỷ
37. Vệ Khang Thúc
38. Tống Vi Tử
39. Tấn
40. Sở
41. Việt Vương Câu Tiễn
42. Trịnh
43. Triệu
44. Ngụy

45. Hàn
46. Điền Kính Trọng Hoàn
47. Khổng Tử
48. Trần Thiệp
49. Ngoại Thích
50. Sở Nguyên Vương
51. Kinh, Yên
52. Tề Điệu Huệ Vương
53. Tiêu Tướng quốc
54. Tào Tướng quốc
55. Lưu hầu
56. Trần Thừa tướng
57. Giáng hầu
58. Lương Hiếu Vương
59. Ngũ tôn (năm gia đình lớn)
60. Tam Vương (Tề Vương, Yên Vương, Quảng Lăng Vương)

Hình thức này không khác phần Bản kỷ bao nhiêu.

Về mỗi “thế gia”, tác giả chép kỹ đời ông tổ sáng nghiệp – họ có công lao nào, những tài đức nào... – rồi qua các đời sau, chép sơ lược đi, nếu kẻ nối nghiệp không có gì đặc sắc. Ta nhận thấy hầu hết các thế gia khi bắt đầu thịnh thì có những người tài giỏi, rồi dần dần suy vi, cho tới khi mất nghiệp thì do một kẻ hậu duệ trụy lạc hoặc nhu nhược. Thịnh thoảng mới gặp một thế gia trung hưng được. Cơ hồ như Tư Mã Thiên muốn nhấn mạnh vào điểm đó để cho ta thấy cái luật đầy rồi vơi, tròn rồi khuyết trong kinh Dịch. Có nhiều thế gia, ông chỉ chép đời ông tổ và đời cuối cùng, khi bị diệt.

Đọc kỹ mục lục, ta thắc mắc tự hỏi tại sao ông lại chép Khổng Tử và Trần Thiệp vào đây. Khổng Tử tuy có làm quan ở Lỗ, nhưng sự nghiệp của ngài đâu phải ở trong mấy năm làm quan đó. Còn Trần Thiệp, một nông dân phát cờ khởi nghĩa diệt Tần, tuy tự xưng vương nhưng chỉ sáu tháng đã bị giết, dòng dõi không còn ai, thì sao lại gọi là thế gia được?

Có người giải thích: Khổng Tử được đời Hán gọi là “tổ vương” (ông vua không ngôi), cho nên có sắp ngang hàng các vương hầu trong phần Thế gia cũng là đáng. Nhưng nếu vậy thì phải đặt ngài vào phần Bản kỷ, ngang hàng các vị đế vương chứ?

Có người lại bảo “thế gia” có nghĩa là những gia đình quý phái, danh giá truyền được lâu đời; mà họ Khổng được dân chúng trọng vọng lại truyền cho tới đời Tư Mã Thiên (Khổng An Quốc), cho nên gọi là thế gia.

Còn Trần Thiệp, tuy tuyệt tự, nhưng các vua nhà Hán vẫn nhớ công khởi nghĩa diệt Tần của ông, nên lập đền thờ và cho ba chục gia đình lại ở bên mộ ông để giữ gìn hương khói, thì cũng có thể tạm gọi là thế gia được.

Giải thích như vậy, nghe cũng tạm xuôi, nhưng có thực là đúng ý của Tư Mã Thiên không? Vì ở cuối chương 130 (Tự tự), khi tóm tắt đại ý thiên 48 ông viết:

“Kiệt, Trụ không giữ đạo (trị nước) nên Thang, Vũ dấy lên; nhà Chu không giữ đạo, nên Khổng Tử viết kinh Xuân Thu; chính sách Tần tàn bạo nên Trần Thiệp khởi nghĩa, chư hầu dấy lên

như gió nổi mây dùn, mà diệt được Tần. Việc bình trị thiên hạ bắt đầu từ cuộc nổi lên của Thiệp”.

Còn điều nữa cũng đáng để ý: tác giả theo thứ tự thời gian, chép các thế gia đời Chu, rồi tới đời Tần, đời Hán; vậy thì tại sao ông lại đặt Khổng Tử ở ngay trên Trần Thiệp, nghĩa là vào cái khoảng cuối Tần, đầu Hán?

Watson (sách đã dẫn)[\[3\]](#) đưa ra giả thuyết này: các vua Hán ngưỡng mộ Khổng Tử và Trần Thiệp nên Tư Mã Thiên sắp hai vị đó liền nhau ở ngay đầu đời Hán. Có thể là thâm ý của ông như vậy.

Dù sao chúng ta cũng phải nhận rằng sự phân loại của Tư Mã Thiên cũng khó hiểu nếu không phải là miễn cưỡng (ông đặt Khổng Tử vào phần Thế gia mà đặt Lão Tử vào phần Liệt truyện); cho nên các sử gia đời sau không theo ông: Ban Cố bỏ phần Thế gia, mà chỉ giữ lại phần Liệt truyện[\[4\]](#).

1. TỀ HOÀN CÔNG XUNG BÁ

Đời Hoàn công, năm thứ nhất^[6], vua Tề Vô Tri đi chơi Ung Lâm. Người Ung Lâm vốn oán ông, nhân lúc ông đến chơi, đánh úp mà giết chết. Họ nói với quan đại phu nước Tề: Vô Tri giết Tương công để tự lập lên làm vua. Chúng tôi đã trừng trị giết chết hắn. Xin quan đại phu lập vị công tử nào xứng đáng lên nối ngôi là chúng tôi tuân mệnh.

Sinh thời, Tương Công đã phục rượu giết chết Lỗ Hoàn công và tư thông với vợ ông này; những người Tương công sát hại phần nhiều không đáng tội; ngoài ra, ông còn cái tật hay tặng tui với đàn bà và nhiều phen lừa gạt các quan đại thần. Sợ va lầy, các em ông bỏ trốn: công tử Cử chạy sang nước Lỗ – vì mẹ là người Lỗ, Quản Trọng và Thiệu Hốt đi theo dạy dỗ; công tử Tiểu Bạch thì sang nước Cử, người đi theo dạy dỗ là Bão Thúc Nha. Mẹ Tiểu Bạch là người Vệ, được Lỗ công^[7] yêu chiều, Tiểu Bạch thuở nhỏ thân với quan đại phu Cao Hề. Đến khi Vô Tri bị giết ở Ung Lâm, triều đình thương nghị lập vua mới, thì Cao Hề lên mời Tiểu Bạch ở nước Cử về. Lỗ nghe tin Vô Tri chết, cũng cho quân đưa công tử Cử về Tề, đồng thời sai Quản Trọng cầm quân chặn con đường nước Cử. Quản Trọng bắn trúng cái móc dây lưng của Tiểu Bạch. Tiểu Bạch vờ chết.

Quản Trọng (tưởng Tiểu Bạch chết thật) sai người báo tin cho Lỗ.

Được tin ấy, sứ giả của Lỗ đưa công tử Cử về nước nhưng giềnh giàng; sáu ngày mới tới Tề! Có ngờ đâu Tiểu Bạch đã về tới trước và đã được Cao Hề đưa lên ngôi, tức Tề Hoàn công.

Hoàn công bị Quản Trọng bắn trúng vào dây móc dây lưng thì vờ chết để cho Quản Trọng lầm; sau đó, liền lên chiếc xe riêng mà phóng gấp, lại nhờ ở triều có Cao Hề nội ứng cho nên mới được lập làm vua trước. Tức thì ra lệnh tiến quân chống cự với Lỗ. Mùa thu, cùng Lỗ giao chiến ở Càn Thì. Quân Lỗ thua chạy. Quân Tề chặn đường rút lui. Tề gửi thư cho Lỗ nói:

“Tử Cử là anh em với ta, tình không nở luận tội gia hình, xin Lỗ tự giết. Quản Trọng và Thiệu Hốt thì là thù, yêu cầu Lỗ trao trả cho ta làm mồi. Nếu không, Lỗ sẽ bị vây”.

Nhận được thư, Lỗ lấy làm lo, bèn giết Tử Cử ở Sinh Đậu. Thiệu Hốt tự sát. Quản Trọng xin làm tù phạm.

Hoàn công lên ngôi, tiến quân đánh Lỗ, bản tâm muốn giết Quản Trọng. Bão Thúc Nha nói: Hạ thần may được theo Chúa thượng, chung cục Chúa thượng đã được lập lên làm vua, hạ thần không có gì để làm cho Chúa thượng thêm vinh quý. Chúa thượng chỉ muốn cho nước Tề bình trị thôi, thì có Cao Hề và hạ thần là đủ rồi. Nhưng, nếu Chúa thượng muốn dựng nên nghiệp bá trong thiên hạ, thì không có Quản Di Ngô không xong. Quản Di Ngô ở nước nào thì nước đó sẽ cường thịnh. Không thể để mất Quản Di Ngô.

Hoàn Công nghe ra, ưng theo, bèn vờ nói (với vua Lỗ) rằng có bắt được Quản Trọng (để làm mồi) thì mới hả dạ, nhưng trong thâm tâm thì muốn dùng. Quản Trọng cũng biết vậy cho nên xin tới Tề tạ tội. Bão Thúc Nha đón tiếp Quản Trọng; đến Đường Phụ thì Quản Trọng được tháo gông xiềng, trai giới cầu nguyện rồi yết kiến Hoàn công. Hoàn công dùng lễ đối với quan đại phu mà đãi ngộ Quản Trọng và giao quyền chấp chính cho. Được Quản Trọng giúp, Hoàn công cùng với Bão Thúc, Thấp Bằng, Cao Hề chinh đốn chính sự nước Tề. Quản Trọng tổ chức “ngũ gia liên binh”, qui định chế độ tiền tệ, chấn hưng nghề làm muối, nghề đánh cá, nâng đỡ những người nghèo khó, thu dụng những người tài giỏi mà cấp bổng lộc cho. Vì thế mà dân chúng nước Tề đều bằng lòng.

Năm sau[8], tiến quân đánh nước Đàm. Vua nước Đàm chạy sang nước Cử. Trước kia, khi Hoàn công chạy sang nước Đàm, nước Đàm đã đối xử vô lễ, cho nên mới có cuộc chinh phạt này.

Năm thứ năm[9], đem quân đánh nước Lỗ, quân Lỗ thua, Lỗ Trang công xin dâng Toại Ấp, cầu hoà. Hoàn công ưng thuận, cùng Lỗ hội minh ở đất Kha. Sắp sửa ăn thề thì Tào Mạt[10] dùng con dao chuỷ thủ uy hiếp Hoàn công ngay trên hội đàn[11], bảo:

Trả lại tất cả đất đai đã chiếm của Lỗ!

Hoàn công chịu. Bấy giờ Tào Mạt mới bỏ cây chuỷ thủ, trở về chỗ ngồi ngoảnh về phía bắc – chỗ ngồi của bầy tôi. Sau, Hoàn công hối, muốn không trả lại đất cho Lỗ mà giết Tào Mạt. Quản Trọng nói:

Lúc bị uy hiếp thì hứa, bây giờ lại bội tín mà giết! Thêm được một cái khoái ý cón con mà thất tín với chư hầu, mất sự ủng hộ của thiên hạ. Không nên.

Bèn trả lại Lỗ những đất đai Lỗ đã mất trong ba chuyến Tào Mạt bại trận.

Chư hầu thấy vậy đều tin cậy và muốn ủng hộ Tề. Năm thứ bảy, chư hầu hội minh với Hoàn công ở đất Chân[12] và bấy giờ Hoàn công mới nắm quyền bá chủ.

TỔNG

(Trích)[\[13\]](#)

2. TỔNG TƯƠNG CÔNG ĐÁNH TRỊNH

Đời Tổng Tương công, năm thứ 8[\[14\]](#), sau khi Tề Hoàn công mất, nước Tống muốn đứng lên triệu tập chư hầu để đánh mình. Năm thứ 12, mùa xuân, Tổng Tương công chọn đất Lộc Thượng làm nơi hội họp và đi sang Sở nhờ mời chư hầu phó hội. Người Sở nhận lời. Công tử Mục Di can:

Nước nhỏ mà tranh làm mình chủ thì coi chừng có tai họa.

Tương công không nghe. Mùa thu năm đó, chư hầu hội minh với Tổng Tương công ở đất Vu. Mục Di bảo:

Tai họa ở đó! Dục vọng của chúa thượng tới cực điểm rồi, trăm họ chịu đựng làm sao?

Nước Sở bèn bắt giữ Tổng Tương công, một mặt đem quân đánh Tống. Đến mùa đông, họp ở đất Hào, Tương công mới được tha. Tử Ngư bảo:

Tai họa chưa hết đâu!

Năm thứ 13, mùa hạ, nước Tống đánh nước Trịnh. Tử Ngư bảo:

Tai họa ở đó!

Mùa thu, Sở đánh Tống cứu Trịnh. Tương công sửa soạn giao chiến. Tử Ngư can:

Trời bỏ nhà Thương[\[15\]](#) lâu rồi! Thôi, không nên!

Mùa đông, tháng Mười một, Tương công ứng chiến quân Sở Thành vương ở sông Hoàng. Quân Sở chưa qua sông. Mục Di nói:

Quân họ nhiều, quân ta ít. Nên đánh ngay khi họ chưa qua sông.

Tương công không nghe. Quân Sở qua sông rồi, nhưng chưa bày trận. Mục Di bảo:

Nên đánh đi.

Tương công nói:

Đợi cho họ bày trận xong đã.

Quân Sở bày trận xong, quân Tống tấn công. Và quân Tống đại bại! Tương công bị thương ở đùi. Người trong nước đều oán ông. Ông nói:

Đáng quân tử ai lại làm khó người khác, trong lúc người ta quẫn bách! Không đánh trống tiến quân, tấn công xung kích khi họ chưa bố trận.

Tử Ngư nói:

Mục đích hành binh là thắng trận. Còn giữ đạo đức cái gì! Nói như Chúa thượng, thì làm thân nô lệ thờ họ cho xong, chiến với đấu làm chi nữa?

3. LI CƠ GIẾT THÂN SINH

Năm thứ 19[\[17\]](#), đời Hiến công nhà Tấn, Hiến công nói riêng với Li cơ:
Ta muốn phế thái tử Thân Sinh mà lập Hề Tề lên thay.

Li cơ khóc, nói:

Thân Sinh được lập làm thái tử, việc đó các nước chư hầu đều biết. Vả lại thái tử Thân Sinh đã nhiều lần cầm quân, trăm họ đều có lòng qui phục. Lẽ nào vì tiện thiếp mà làm việc phế lập, bỏ con ngành cả, dùng con ngành thứ! Nếu Quân Thượng nhất định làm như vậy thì tiện thiếp sẽ tự tử.

Ngoài mặt, Li cơ làm ra bộ quý mến thái tử Thân Sinh, nhưng bên trong vẫn ngầm ngầm cho người nói xấu thái tử, cốt làm cho Hề Tề – con mình – được lập lên thay thế.

Năm thứ 21[\[18\]](#), Li Cơ bảo Thân Sinh:

Mấy đêm nay, vua cha nằm mơ thấy bà Tề Khương[\[19\]](#) về, thái tử nên mau mau tới Khúc Ốc làm lễ tạ đi. Nhớ mang phần thịt tế về dâng vua cha đấy!

Thân Sinh bèn đến Khúc Ốc tế mẹ – bà Tề Khương – rồi đem phần thịt tế về dâng cha – vua Hiến công. Lúc đó, Hiến công đi săn vắng, Thân Sinh để thịt biếu trong cung. Li cơ sai người bỏ thuốc độc vào.

Hai hôm sau, Hiến công về, tế quan[\[20\]](#) đem phần thịt dâng, vua Hiến công định ăn thì Li cơ đứng cạnh ngăn lại, nói:

Thịt từ nơi xa tới, xin cho thử xem sao đã!

Hiến công nghe lời, thử đem phần thịt đó tế địa thần, thịt đổ xuống đất thì mặt đất giộp lên, vút cho chó ăn, thì chó lăn ra chết, đưa cho một viên tiểu thần[\[21\]](#) ăn, viên này cũng chết luôn. Li cơ khóc, nói:

Sao mà thái tử ác tâm đến thế! Cha đẻ ra mình, mà còn định giết đi để cướp ngôi, hưởng hồ người khác. Cha già rồi, có sống cũng chẳng được bao lâu nữa; há không rán đợi được ư, mà lại toan làm chuyện thí đoạt!

Rồi nói với Hiến công:

Thái tử hành động như vậy, chả qua là tại thiếp và Hề Tề đó thôi. Mẹ con thiếp xin được tránh đi nước khác hay là được sớm tự sát, còn hơn là để cho thái tử làm thịt. Độ nào, Quân Thượng định phế thái tử, chính tiện thiếp còn trộm lấy làm không bằng lòng, bây giờ đây, tiện thiếp mới nhận ra rằng ngày ấy mình không bằng lòng là mình đã lầm.

Chuyện tới tai thái tử Thân Sinh, thái tử chạy trốn đến Tân Thành, Hiến công nổi giận giết quan thái phó dạy Thân Sinh là Đỗ Nguyên Khoản. Có người mách Thân Sinh rằng: Thuốc độc kia chính là Li cơ đã đánh, sao thái tử không đích thân trình bày cho vua cha thấy rõ sự thật?

Thân Sinh nói:

Cha tôi già rồi, không có Li cơ thì ngủ chẳng ngon giấc, ăn chẳng ngon miệng. Dù tôi có biện bạch, thì người cũng vẫn giận tôi. Thôi, không nên.

Lại có người xui Thân Sinh:

Thái tử nên chạy ra nước ngoài.

Thân Sinh nói:

Mang cái tiếng xấu (bất hiếu, mưu giết cha để cướp ngôi) ấy mà chạy ra nước ngoài thì ai là người chịu dung nạp mình? Thôi, tôi tự sát cho xong.

Tháng Mười hai, ngày Mậu Thân, Thân Sinh tự sát ở Tân thành.

4. TẤN LINH CÔNG KHÔNG GIỮ ĐẠO LÀM VUA

Đời Tấn Linh công, năm thứ 14^[22]. Linh công đã lớn, tiêu xài xa xỉ, đánh rất nhiều thuế, để vẽ hoa vào tường. Lại từ lầu cao bắn xuống để xem người ta tránh đạn. Có người đầu bếp hầm món “tay gấu” không nhừ, Linh công nổi giận giết phăng, sai một người đàn bà vác xác vứt đi. Khi người này đi qua triều, Triệu Thuần và Sĩ Hội trông thấy, bèn vào can Linh công. Can mấy lần, đều không nghe. Sau đó, hai ông lại trông thấy cánh tay người chết và lại vào can. Lần này Sĩ Hội vào trước. Cũng vô hiệu. Linh công sợ Triệu Thuần lại vào can, nên sai Tư Nghê^[23] hành thích Triệu Thuần. Cửa vào phòng Thuần bỏ ngõ, nhất cử nhất động, Thuần đều tỏ ra chừng mực, trang nghiêm. Tư Nghê rút lui, thở dài, nói:

“Giết kẻ trung thần hay không thi hành lệnh vua, đảng nào cũng tội cả”.

Bèn đâm đầu vào cây mà chết.

Trước, Thuần có lần ở núi Thú Sơn, thấy một người đói lả nằm bên gốc dâu. Người đó tên là Thị Mị Minh. Thuần cho cơm, người ấy chỉ ăn một nửa.

Tại sao không ăn nốt?

Đáp:

Tôi đi làm quan^[24] đã ba năm, không biết mẹ còn hay mất muốn dành phần cho mẹ.

Thuần khen là người hiếu nghĩa, cho thêm cơm và thịt.

Sau người ấy làm đầu bếp cho Linh công. Thuần không nhận ra. Tháng Chín, Tấn Linh công mời Triệu Thuần uống rượu, định mai phục giáp sĩ để hạ thủ. Người đầu bếp Thị Mị Minh biết âm mưu đó, sợ Thuần quá chén thì khốn, nên mới nói với Thuần:

Linh công mời ông uống rượu, ông uống ba chén thôi, đừng uống hơn.

Sự thật, Thị Mị Minh muốn cho Triệu Thuần thoát nạn, nên khuyên (uống ít) về trước để âm mưu kia không kịp thi hành. Thuần ra về sớm, giáp sĩ chưa tập hợp xong, Linh công bèn xua con chó Ngao rất dữ ra cắn Thuần. Thị Mị Minh đập chết luôn con chó. Thuần bảo:

Không dùng người, đi dùng chó, chó có dữ mấy cũng chả làm gì!

Thuần có hay đâu Minh đang âm thầm đền ơn trả nghĩa Thuần. Sau, Linh công còn phóng giáp sĩ đuổi theo Triệu Thuần. Thị Mị Minh^[25] can đánh, giáp sĩ không tiến được và Thuần thoát nạn.

Bây giờ thì Thuần biết rằng Minh giúp mình.

Thuần hỏi duyên cớ, Minh nói:

Tôi chính là người đói lả nằm bên gốc dâu đây.

Thuần hỏi tên họ, nhưng Minh không chịu nói. Thế rồi Minh bỏ trốn. Thuần cũng bỏ trốn luôn. Thuần chưa ra khỏi đất Tấn, thì ngày Ất Sửu, em ruột Thuần là tướng quân Triệu Xuyên đánh úp, giết chết Linh công trong một vườn đào, và đón Triệu Thuần về.

Thuần vốn quyền cao chức trọng lại rất hoà nhã cho nên được lòng trăm họ. Linh công trẻ tuổi đã xa xỉ, dân chúng không ưa, cho nên mới bị giết dễ dàng.

Thuần trở lại chức cũ rồi, quan thái sử nước Tấn là Đồng Hồ, hạ bút viết:

“Triệu Thuần giết vua”,

và công bố cho triều thần biết. Thuần nói:

Người giết vua là Triệu Xuyên, tôi vô tội.

Quan thái sử nói:

Ông làm chính khanh, bỏ trốn không ra khỏi nước; trở về rồi lại không giết kẻ loạn thần. Vậy không ông thì còn ai?[\[26\]](#)

Khổng Tử nghe chuyện, bảo:

Đồng Hồ là một quan thái sử lương thiện của đời xưa. Phép chép sử của ông thẳng thắn, không giấu giếm. Tuyên Tử là một quan đại phu lương thiện, vì phép nước mà mang tiếng oan, đáng tiếc thay! Giá trốn ra khỏi nước thì hoá không tội.

5. CHU CÔNG CỨU NGƯỜI CON TRAI THỨ

Chu công (đến) ở đất Đào, sinh người con trai út. Đến lúc người con trai út lớn thì người con trai thứ hai phạm tội giết người, bị giam ở nước Sở. Chu công nói:

Giết người mà bị tử hình, để đền tội thì đáng rồi. Song, ta nghe có câu: “Cha nhà cự phú, chẳng chết xó chợ”[\[28\]](#).

Ông bèn bảo người con út đi thăm người con thứ hai, đồng thời bỏ một ngàn “dật”[\[29\]](#) vàng vào trong một đồ vật màu vàng xỉn, xếp lên xe bò, để cho người con út tải theo. Người con cả thấy vậy thì nhất định cố xin cha để cho mình đi. Chu công không nghe. Người con trai nói:

Trong gia đình, trưởng nam là người đứng mũi chịu sào. Nay, chú hai nó bị tội, cha không bảo con đi thăm mà lại bảo chú út, như thế tức thị con là đứa con hư hỏng rồi còn gì!

Rồi tỏ ý muốn tự sát. Người mẹ vào bảo:

Cho thằng út đi, cứu sống thằng hai chưa thấy đâu, đã thấy mất ngay thằng cả. Như thế sao đành!

Bất đắc dĩ Chu công đành cho người con cả đi, với một lá thư, bảo đưa cho Trang Sinh – (một người bạn cũ của ông).

Tới nơi, con đem ngày dật vàng này đến nhà bác Trang, để bác tùy tiện sử dụng. Nhớ, chớ có bàn cãi gì với bác.

Lúc ra đi, người con cả cũng mang riêng thêm mấy trăm “kim”[\[30\]](#) nữa. Tới Sở, tìm đến nhà Trang Sinh.

Trang Sinh ở bên rìa thành, lối vào cỏ mọc um tùm, cửa nhà xác xơ. Tuy nhiên vẫn trình thư và giao ngàn dật vàng đúng như lời cha dặn. Trang Sinh bảo:

Cháu nên đi ngay, coi chừng, đừng có ở lại, thì em cháu sẽ được tha. Cũng đừng hỏi tại sao như thế.

Ở nhà Trang Sinh ra, người con trai Chu công đi thẳng không trở lại nhà Trang Sinh nữa, nhưng vẫn cất lên ngụ ở một chỗ và đem số vàng của mình mang riêng, đi lo lót với một vị có quyền thế của nước Sở.

Trang Sinh tuy nghèo khó, ở chỗ xó xỉnh, nhưng cái tiếng thanh liêm chính trực của ông thì cả nước ai cũng biết; từ vua tới dân ai cũng quý trọng ông, coi ông như bậc thầy. Khi Chu công cho đem vàng đến đưa cho ông, bản ý ông không muốn nhận và vẫn định việc xong xuôi rồi thì sẽ trả lại để giữ tròn tín nghĩa. Cho nên lúc số vàng kia đưa tới, ông đã nói ngay với vợ:

Đây là vàng của bác Chu, giữ nó như thể mang bệnh vào mình[\[31\]](#), mai đây sẽ trả lại hết, mình chớ có động tới.

Người con cả không hiểu chỗ dụng ý của Trang Sinh, cho rằng chuyện cậy Trang Sinh sẽ chỉ là câu chuyện hão huyền.

Trang Sinh có dịp vào yết kiến Sở vương, tâu rằng:

Phương nọ có một ngôi sao nọ xuất hiện, như thế là điềm không lành cho nước Sở.

Vốn vẫn tin Trang Sinh, Sở vương hỏi lại:

Vậy thì phải là sao bây giờ?

Trang Sinh đáp:

Chỉ có mỗi một cách thi ân đức là giải trừ được tai ương.

Sở vương nói:

Tiên sinh muốn nói đến việc ân xá chứ gì, thôi được rồi, quả nhân cũng đang dự tính ban hành lệnh đó.

Sở vương bèn sai sứ giả niêm phong kho “tam tiền”[\[32\]](#).

Vị có quyền thế nọ kinh ngạc, bảo người con trai cả của Chu công:

Vua sắp ân xá cho các tội nhân.

Người con cả Chu công hỏi:

Vì có gì mà biết?

Đáp:

Mỗi lần sắp ân xá, bao giờ cũng niêm phong kho “tam tiền”. Chiều qua, vua đã sai sứ giả niêm phong kho ấy.

Người con cả Chu công cho rằng nhà vua ban hành đại xá thì em mình cố nhiên được tha và nghĩ tiếc số ngàn dật vàng đưa cho Trang Sinh uống quá! Chẳng được việc gì. Bèn trở lại gặp Trang Sinh. Trang Sinh sững sốt hỏi:

Thế ra cháu vẫn chưa đi à?

Đáp:

Thưa chưa. Trước, cháu có nói nhờ bác lo cho em cháu khỏi tội. Nay nghe nói nhà vua đại xá cho các tội phạm thì lẽ tự nhiên là em cháu sẽ được tha. Cháu sợ dĩ trở lại đây là để từ tạ bác.

Trang Sinh hiểu ý anh chàng muốn đòi lại số vàng, liền bảo:

Vào trong nhà mà cầm lấy số vàng.

Anh chàng vào lấy lại số vàng đem đi, lòng mừng khắp khởi.

Nghĩ ngượng vì thua lựa[\[33\]](#) thắng bé, Trang Sinh lại vào yết kiến Sở vương, tâu:

Bữa trước thần có tâu bệ hạ về việc ngôi sao nọ. Bệ hạ dạy sẽ thi ân đức để ngừa việc chẳng lành. Bữa nay thần đi ra ngoài, chỗ nào cũng nghe người ta nói: Con trai Chu công ở đất Đào, vì tội giết người, bị giam trong ngục nước Sở, gia đình nó đem nhiều vàng bạc đút lót mua chuộc các vị cận thần của Bệ hạ. Bệ hạ sắp giáng chỉ ân xá cho tội phạm; chẳng phải là Bệ hạ có thương gì dân mà chỉ là muốn tha người con trai của Chu công đó thôi.

Sở vương cả giận, nói:

Trẫm dù bất đức, lẽ nào lại chỉ vì có người con Chu công mà thi hành ân huệ.

Bèn lập tức hạ lệnh giết người con Chu công trước đã, hôm sau mới giáng chỉ đại xá các tội phạm.

Người con cả Chu công chỉ còn có việc đưa xác con em về chôn. Về tới nơi, mẹ và người cùng ấp ai cũng thương tiếc, than khóc. Duy một mình Chu công vẫn cười, bảo:

Tôi vốn vẫn biết thế nào nó cũng sẽ làm chết em nó. Không phải nó không yêu em nó. Có điều là nó chẳng dẫn được cái lòng xót của. Từ nhỏ, nó vẫn sống bên cạnh tôi, nó biết làm ăn vất vả như thế nào cho nên nó quý đồng tiền, mồ hôi nước mắt, chẳng nỡ phung phí. Còn thằng út thì “giàu từ trong trứng giàu ra”, lọt lòng đã lên xe xuống ngựa, nay đi bắn, mai đi săn, làm sao mà biết được đồng tiền ở đâu đến, cho nên nó khinh tiền, chẳng biết tiếc tiền. Bữa nọ, sợ dĩ tôi

muốn sai thằng út đi là vì nó dám khinh tiền, dám phung phí. Thằng cả đã không dám thế, cho nên rốt cục nó làm chết thằng hai. Lí nó như vậy, thương xót làm gì! Ngày đêm tôi vẫn hằng chờ đợi đám tang này.

6. TRÌNH ANH BẢO TOÀN CON CÔI

Đồ Ngạn Cổ trước được Tấn Linh công yêu chiều. Đến thời Tấn Cảnh công trị vì thì Cổ giữ chức tư khấu[\[35\]](#). Khi khởi sự mưu phản, Cổ vẽ chuyện trừng trị bọn bề tôi đã giết Linh công[\[36\]](#) và lây cả tới Triệu Thuần, nói với hết thảy các tướng rằng mặc dầu Thuần không biết gì về tội ác kia, Thuần vẫn là người đứng đầu bọn can phạm, rằng ông cha là bầy tôi giết vua mà con cháu vẫn làm quan tại triều thì pháp luật trừng phạt cái gì, cho nên phải giết đám con cháu này đi.

Hàn Quyết nói:

Lúc Linh công ngộ nạn, Triệu Thuần ở xa. Đấng Tiên quân cho Thuần là vô tội, cho nên không giết. Nay các ông giết con cháu người ta là trái với ý đấng Tiên quân[\[37\]](#). Giết như thế là giết bầy. Giết bầy gọi là loạn thần. Có việc trọng đại mà không tâu vua thì khác gì không biết có vua.

Đồ Ngạn Cổ không nghe, Hàn Quyết bèn báo cho Triệu Sóc biết để mà trốn cho mau. Sóc không chịu trốn, nói:

Ông quả có thể giúp cho dòng họ Triệu tôi khỏi tuyệt diệt thì tôi chết không ân hận.

Hàn Quyết nhận giúp.

Rồi nói thác là có bệnh, không ra khỏi nhà.

Cổ không thỉnh mệnh vua Tấn, tự tiện cùng chư tướng tấn công họ Triệu ở Hạ Cung, giết chết Triệu Sóc, Triệu Đồng, Triệu Anh Tề. Và làm cỏ cả họ Triệu. Vợ Triệu Sóc, là em gái Thành công, đang có thai, chạy vào trong cung của Thành công trốn.

Gia khách của Triệu Sóc có người tên là Công Tôn Trử Cữu. Trử Cữu hỏi bạn của Sóc là Trình Anh:

Tại sao ông không chết?

Trình Anh đáp:

Bà Sóc đang có mang. Nếu may sinh con trai, thì tôi sẽ nuôi nấng đứa bé (để nối dõi họ Triệu). Nếu là con gái thì bây giờ tôi chết cũng chưa muộn.

Ít lâu sau, vợ Triệu Sóc sinh mà sinh con trai. Đồ Ngạn Cổ được tin, vào cung lục soát. Bà Sóc đặt con vào trong chiếc quần đùi, khẩn thầm:

Họ Triệu mà tuyệt diệt thì con tôi khóc, bằng không thì con tôi nín.

Cung bị lục soát; đứa bé nín thình. Thế là thoát.

Trình Anh bảo Công Tôn Trử Cữu:

Lần này lục soát không thấy, thế nào rồi cũng lục soát lại. Làm thế nào bây giờ?

Công Tôn Trử Cữu nói:

Lập lại đứa con côi cho một dòng họ khó, hay chết khó?

Trình Anh đáp:

Chết dễ, lập lại đứa con côi cho một dòng họ khó.

Công Tôn Trử Cữu nói:

Ông Lớn họ Triệu đối đãi với ông hậu tình, ông cố gánh lấy cái công việc khó. Tôi làm cái công việc dễ. Tôi xin chết trước.

Hai người bèn lập mưu, kiếm một đứa bé, con người khác, công trong một chiếc địu đẹp để trốn vào núi. Rồi Trình Anh trở ra, vờ nói với mấy ông tướng:

Anh tôi bất tài, không thể lập lại nổi người con cô dòng họ Triệu. Ai cho tôi ngàn vàng, tôi sẽ chỉ cho nơi đứa bé ở.

Mấy ông tướng vui mừng nhận lời, đem quân theo Trình Anh đi đánh Công Tôn Trử Cửu. Trử Cửu vờ nói:

Cái thằng Trình Anh tiểu nhân thật! Trong tai nạn ở Hạ Cung ngày nào, mày không chịu chết, cùng tao lập kế giấu đứa con cô họ Triệu, thế mà mày lại bán tao! Không lập lại được người con cô cho một dòng họ thì chớ, nỡ lòng nào mà bán nó cho đành!

Rồi ôm đứa bé, kêu to:

Trời ơi! Trời ơi! Đứa con cô họ Triệu này có tội gì đâu! Xin cho nó sống, giết một mình tôi được rồi.

Mấy ông tướng không nghe, giết cả Trử Cửu lẫn đứa con cô. Họ cho rằng đứa con cô (của dòng họ Triệu) thế là chết thật rồi, và đều mừng. Nhưng đứa con cô đích thật dòng họ Triệu vẫn còn sống.

Rốt cục, Trình Anh cùng đứa bé trốn vào núi. Mười lăm năm sau, Tấn Cảnh công bị bệnh, xem bói. Quẻ bói dạy: “Hậu duệ một đại công thần có điều không được toại ý cho nên hồn ma họ về phá đấy”. Cảnh công đem lời quẻ dạy hỏi Hàn Quyết. Hàn Quyết biết người con cô họ Triệu còn sống, cho nên tâu rằng:

Hậu duệ của nhà đại công thần mà bị dứt không còn được hưởng tế tự^[38] ở nước Tấn phải chăng là hậu duệ họ Triệu? Tổ tiên họ^[39] Triệu, bắt đầu từ Vi Trọng Diễm, đều vốn họ^[40] Doanh. Trọng Diễm có dị tướng, mặt người mà mỏ chim, giúp vua Đại Mậu nhà Ân, cho tới thời thiên tử nhà Chu lên trị vì, lúc nào cũng nhân đức. Sau, U vương, Lệ vương tàn bạo vô đạo, Thúc Đái mới bỏ nhà Chu, đến nước Tấn, thờ đấng tiên quân Tấn Văn hầu, (và dựng nên họ Triệu). Cho tới đời Tấn Thành công, đời nào họ Triệu cũng có công trạng, chưa hề bị dứt, không được hưởng tế tự bao giờ. Nay Chúa thượng diệt họ Triệu, quốc dân ai cũng thương tình, cho nên mới ứng vào quẻ bói như vậy. Xin Chúa thượng tự liệu định.

Cảnh công hỏi:

Con cháu họ Triệu còn ai không?

Hàn Quyết tâu thật hết. Cảnh công bèn bàn với Hàn Quyết lập lại người con cô họ Triệu, đưa đứa bé về giấu ở trong cung. Các tướng vào hỏi thăm bệnh tình Cảnh công; Cảnh công dùng đám thủ hạ của Hàn Quyết mà uy hiếp các tướng, bắt họ vào thăm người con cô họ Triệu. Người con cô này tên là Vũ. Các tướng không biết làm sau, bèn tâu:

Tai họa ở Hạ Cung năm xưa là do Đồ Ngạn Cổ gây nên: họ Đồ giả lệnh Chúa thượng, bắt chúng tôi phải thi hành; nếu không thì chúng tôi đâu dám xuẩn động. Trước khi Chúa thượng se mình, chúng tôi vốn đã có ý muốn lập lại con cháu họ Triệu. Nay Chúa thượng ban lệnh, thật đúng với nguyện vọng của chúng tôi.

Bèn đòi Triệu Vũ và Trình Anh ra vái chào tất cả các tướng. Các tướng giở giáo, cùng với Trình Anh, Triệu Vũ đi đánh Đồ Ngạn Cổ, giết sạch cả họ hàng y. Ruộng ấp của họ Triệu xưa lại được hoàn lại Triệu Vũ.

Triệu Vũ đến tuổi thành niên thì Trình Anh cáo biệt các quan đại phu và nói với Triệu Vũ: Trong tai biến Hạ Cung năm xưa, ai nấy vì nghĩa mà đón nhận cái chết. Tôi không phải là không

dám chết, tôi nghĩ còn phải lập lại con cháu nhà họ Triệu. Nay Triệu Vũ đã được kế lập, đã tới tuổi thành niên, đã phục hồi được danh vị cũ, thì tôi sẽ báo đáp tấm lòng tri ngộ Triệu Tuyên Mạnh^[41] và Công Tôn Trử Cửu đây.

Triệu Vũ khóc lóc, dập đầu van nài:

Vũ tôi đang nguyện, cố công cùng sức để báo đền Ngài cho tới hơi thở cuối cùng, Ngài nỡ nào bỏ tôi mà chết?

Trình Anh nói:

Không được! Các ông ấy cho ta có thể làm nên việc, cho nên mới (yên tâm) mà chết trước ta. Nay ta không báo đáp^[42] thì các ông sẽ cho là việc ta làm không thành.

Bèn tự sát.

Triệu Vũ để tang ba năm, lập “tế ấp”, mỗi năm xuân thu nhị kì cùng kiến, đời đời không dứt.

7. KHỔNG TỬ BỊ KHỐN Ở NƯỚC TRẦN, NƯỚC THÁI

Khổng Tử dời sang ở nước Thái được ba năm, thì xảy ra việc nước Ngô đánh nước Trần. Nước Sở cứu viện nước Trần, kéo quân đến đóng ở ấp Thành Phủ. Nước Sở được tin Khổng Tử lúc đó đang ở khoảng ranh giới hai nước Trần, Thái thì sai sứ giả đến mời ông. Đang lúc ông tính đi tiếp kiến người Sở, thì ở hai nước Trần, Thái bọn đại phu cầm quyền bàn với nhau rằng: Khổng Tử là một bậc hiền minh, những lời ông chê bai đều đúng với những lầm lỗi của các nước chư hầu. Lâu nay, ông dừng lại ở khoảng ranh giới hai nước Trần, Thái; những việc bọn đại phu chúng ta làm đều không hợp với ý ông. Nay nước Sở, một nước lớn, mời ông. Nếu nước Sở dùng ông thật thì bọn đại phu chúng ta nguy lắm.

Thế họ cùng nhau sai người đến vây Khổng Tử ở giữa rừng. Khổng tử muốn thoát mà không có lối; lương thực lại hết sạch mà các đệ tử theo thầy đều ngã bệnh vì đói; không dậy được.

Khổng Tử biết bọn học trò mình có ý oán trách, nên mới gọi Tử Lộ lại hỏi:

Kinh Thi có câu: “Tê chẳng phải, hổ chẳng phải, rừng hoang một đàn quanh quất mãi”. Đạo ta sai chăng? Làm sao mà ta đến nỗi này?

Tử Lộ thưa:

Có lẽ đức nhân của ta chưa đủ, cho nên người chẳng tin ta. Có lẽ mưu trí của ta chưa đủ, cho nên người chẳng để công việc ta trót lọt.

Khổng Tử nói:

Thật à? Nay anh Do! Nếu cứ có đức nhân là người ta tin thì tại sao Bá Di, Thúc Tề lại chết đói ở núi Thú Dương? Nếu cứ đủ trí mưu là công việc trót lọt thì làm sao vương tử Tỉ Can lại bị moi tim?

Tử Lộ ra, Tử Cống vào. Khổng Tử hỏi:

Anh Tú! *Kinh Thi* có câu: “Tê chẳng phải, hổ chẳng phải, rừng hoang một đàn quanh quất mãi”. Đạo ta sai chăng? Làm sao mà ta đến nỗi này?

Tử Cống thưa:

Đạo của Thầy cực kì rộng lớn, cho nên người đời chẳng dung nạp được Thầy. Có lẽ Thầy nên thu hẹp, rút nhỏ đạo của Thầy đi một chút.

Khổng Tử nói:

Này anh Tú! Người làm ruộng lành nghề giỏi cày cấy cấy mà vị tất đã giỏi thu hoạch; người thợ lành nghề, đủ ngón khéo léo mà vị tất đã làm được vừa ý người; người quân tử tu đạo, biết giữ cho có kỉ cương điều lí đấy[\[44\]](#) mà vị tất đã khiến nổi người đời dung nạp mình. Nay anh chẳng tu đạo của mình mà lại chỉ muốn cho người đời dung nạp? Anh Tú! Chỉ anh không được cao cả!

Tử Cống ra, Nhan Hồi vào. Khổng Tử hỏi:

Anh Hồi! *Kinh Thi* có câu: “Tê chẳng phải, hổ chẳng phải, rừng hoang một đàn quanh quất mãi”. Đạo ta sai chăng? Làm sao mà ta đến nỗi này?

Nhan Hồi thưa:

Đạo của Thầy cực kì rộng lớn, cho nên người đời chẳng dung nạp được Thầy. Tuy nhiên, Thầy cứ theo đạo ấy và khuếch sung nó. Người đời chẳng dung nạp được Thầy, đủ thấy Thầy là bậc

quân tử. Đạo ấy chẳng sửa thì thầy trò ta xấu. Đạo ấy sửa rồi mà chẳng được dùng thì kẻ có nước – bọn vương hầu – xấu. Người đời chẳng dung nạp được Thầy, điều đó có quan hệ gì? Người đời chẳng dung nạp được Thầy, đủ thấy Thầy là bậc quân tử.

Khổng Tử cười, vui vẻ bảo:

Thế à? Trò họ Nhan của ta ơi, giá mà anh giàu thì ta tình nguyện làm kinh tài giúp anh.

Rồi Khổng Tử sai Tử Cống đến nước Sở, vua Sở Chiêu vương cho đem quân đi đón Khổng Tử, nhờ vậy, Khổng Tử thoát nạn.

8. TRẦN THIỆP^[45]

Trần Thắng, người Dương Thành tự là Thiệp. Ngô Quảng, người Dương Hạ tự là Thúc.

Trần Thiệp, thuở nhỏ, từng đã đi cày thuê, có lần ngừng cày lên gò nghỉ, trầm ngâm hồi lâu và ngâm ngùi than thở:

Một mai giàu sang, ta sẽ quên nhau.

Một người thợ cày khác, nghe vậy, cười bảo:

Chú đi cày thuê, còn giàu sang cái nổi gì!

Trần Thiệp thở dài, nói:

Chao ôi! Con yến, con sẻ biết thế nào được chí con hồng, con hộc^[46].

Tháng Bảy, năm thứ nhất đời Tần Nhị Thế^[47], chín trăm trai thôn bị bắt làm lính thú Ngự Dương, đồn đóng ở làng Đại Trạch. Trần Thắng và Ngô Quảng cũng ở trong số những người này và cùng được cử làm “đồn trưởng”. Gặp lúc mưa to, đường nghẽn, thành ra không tới đồn được đúng kì. Theo quân pháp, không tới đúng kì thì bị chém, Trần Thắng và Ngô Quảng bèn bàn với nhau:

Bây giờ trốn cũng chết mà tính đại sự cũng chết, đằng nào cũng chết, thì chết cho nước có hơn không!

Trần Thắng nói:

Thiên hạ bị khốn khổ vì nước Tần từ lâu. Tôi nghe nói Nhị Thế còn nhỏ, đáng lẽ không được nối ngôi, người đáng được nối ngôi là công tử Phù Tô kia. Vì can gián nhiều lần nên Phù Tô bị vua cha bắt ra mặt trận cầm quân. Nay có tin ông ta vô tội mà bị Nhị thế giết. Trăm họ nghe tiếng ông ta hiền, nhưng chưa biết ông ta bị giết. Hạng Yên là một vị tướng lãnh của Sở, đã từng lập được nhiều công, thương yêu binh lính và rất được Sở mến. Có người cho rằng ông ta đã chết, có người lại cho rằng ông ta trốn. Nếu như bây giờ chúng ta nói đại đi là công tử Phù Tô và Hạng Yên lãnh đạo chúng ta, mà hiệu triệu thiên hạ thì chắc được nhiều người hưởng ứng.

Ngô Quảng cho là phải. Bèn đi xem bói. Thầy bói biết ý, nói:

Việc các ông định làm sẽ thành công đấy. Nhưng các ông bói đây là muốn biết ý quỷ thần chứ gì?^[48]

Trần Thắng và Ngô Quảng lấy làm mừng, cùng nhau bàn tính về chuyện xem bói:

Thầy bói có ý bảo chúng mình nên trước hết gây uy tín với quần chúng đó.

Hai người bèn lấy son viết vào lụa ba chữ: “Trần Thắng vương”^[49], rồi nhét lụa vào bụng một con cá người ta mới kéo lưới được. Bọn lính mua cá về mổ, thấy miếng lụa có ba chữ kia thì cố nhiên làm lạ rồi. Hai người còn ngầm sai người đem đến đốt đèn trong một toà miếu cổ giữa đám cây cối um tùm, bên cạnh chỗ Ngô Quảng cắm trại và gào lên những tiếng rùng rợn như tiếng hồ li:

“Đại Sở dấy nghiệp, Trần Thắng làm vua”. Bọn binh lính đêm đó khiếp sợ. Sáng dậy, chốc chốc lại xì xào với nhau, đưa mắt nhìn Trần Thắng.

Ngô Quảng tính vốn thương người, được nhiều binh lính hết lòng với mình. Nhân lúc viên chỉ huy trưởng say rượu^[50], Quảng cố ý nói đi nói lại chuyện bỏ trốn, cốt để viên sĩ quan giận mà làm nhục mình, hầu gây bất bình nơi sĩ tốt. Quả nhiên viên sĩ quan nọc Quảng ra đánh. Gươm của viên sĩ quan tuốt trần, Quảng vùng dậy cướp thanh gươm, giết luôn tên sĩ quan. Có Trần Thắng giúp sức, giết nốt viên sĩ quan thứ hai. Rồi hiệu triệu thuộc hạ rằng:

Các anh gặp mưa, không tới được đúng kì. Tới không đúng kì thì bị tội chém. Giả sử không bị tội chém đi nữa thì làm thân lính thú, vẫn là chết bầy còn ba. Vả chăng đã là tráng sĩ, không

chết thì thôi, chứ chết thì phải chết cho đại sự. Vương, hầu, tướng, tướng[51], há cứ phải là con dòng cháu giống.

Bọn thuộc hạ đều đồng thanh:

Kính xin vâng lệnh.

Hai người bèn mạo danh nghĩa công tử Phù Tô và Hạng Yên để đáp ứng lòng dân mong muốn.

Họ cởi áo để hở cánh tay mặt[52] mà tự xưng là quân Đại Sở.

Và một mô đất được đắp lên làm đàn ăn thề, dùng đầu lâu hai viên sĩ quan làm tế vật. Trần Thắng tự lập làm tướng quân, Ngô Quảng làm đô úy[53] mà tấn công đồn làng Đại Trạch, tiếp thu nghĩa binh của đồn này, kéo đến huyện Cơ. Hạ được huyện này rồi, sai người Phù Lê là Cát Anh đem quân tiến về đông đánh mấy huyện Trất, Tha, Khố, Chạ và Tiều, điều hạ được hết; dọc đường thu nhận thêm quân, gần đến đất Trần thì đã có tới sáu bảy trăm cỗ xe, hơn một ngàn kỵ binh và mấy vạn lính. Khi tấn công đất Trần thì các quan quận thú và huyện lệnh đều vắng mặt, chỉ có mỗi viên thú thừa[54] ra nghênh chiến nơi cổng thành, dưới chòi canh. Chống không nổi, viên thú thừa tử trận. Quân tiến vào đóng đất Trần. Vài ngày sau, hiệu triệu các vị “tam lão”[55] và các vị nhân sĩ trong vùng cùng đến hội thảo. Các vị này nói:

Tướng quân đeo giáp cầm gươm, đánh kẻ vô đạo, giết quân bạo Tần, để khôi phục xã tắc cho nước Sở, công đó đáng được làm vua.

Trần Thiệp bèn xưng vương, lấy quốc hiệu là Trương Sở[56]. Lúc đó, dân các huyện khổ vì quan lại nhà Tần, nên đều kể tội các quận thú, huyện lệnh và nổi dậy giết chết bọn họ để hưởng ứng với Trần Thiệp. Lập Ngô Thúc làm Giả Vương[57] để tiện việc giám sát các tướng lãnh tiến về tây đánh Vinh Dương[58]. Sai người đất Trần là Vũ Thần, Trương Nhĩ và Trần Du đi cướp[59] đất Triệu; người Nhữ Âm là Đặng Tôn đi cướp Cửu Giang. Lúc đó, quân Sở từng nhóm vài ngàn người một nổi dậy, nhiều không biết bao nhiêu mà kể.

Nhóm do Cát Anh cầm đầu đến Đông Thành tôn Trương Cường lên làm vua Sở. Sau được tin Trần Thiệp đã tự xưng vương rồi, Cát Anh giết Trương Cường, và về báo cáo. Đến đất Trần, Cát Anh bị Trần vương giết. Trần vương sai người Ngụy là Chu Thị lên phía bắc cướp đất Ngụy. Ngô Quảng vây Vinh Dương. Lí do quận thú Tam Xuyên chống giữ Vinh Dương, Ngô Thúc (Quảng) không hạ nổi. Trần vương triệu tập các nhân sĩ trong nước đến cùng định kế hoạch, cử người Thượng Thái làm phòng quân[60], Thái Thứ làm trụ quốc[61]. Chu Văn – một bậc hiền sĩ của đất Trần – người từng đã phụ trách việc xem ngày tốt xấu giúp Hạng Yên và đã thờ qua Xuân Thân quân[62], tự giới thiệu với Trần vương rằng mình am tường binh pháp, Trần vương phong Chu Văn làm tướng cầm quân tây tiến đánh Tần. Dọc đường thu nạp sĩ tốt, tới Hàm Cốc Quan thì được một ngàn cỗ xe và mấy chục vạn quân, kéo đến đóng ở Hí Thủy. Tần ra lệnh cho quan thiếu phủ[63] là Chương Hàm bỏ cái lệ giới hạn quân dịch mà cho những người bị phát lưu đi làm phu tại Li Sơn và những con cái bọn nô lệ cũng được gia nhập quân đội, đem hết họ đi đánh đại quân của Sở; họ đánh quân Sở thua khắp nơi. Chu Văn chạy ra khỏi Hàm Cốc Quan, dừng lại hai, ba tháng ở Tào Dương. Chương Hàm truy kích, Chu Văn lại thua, chạy về đóng ở Mẫn Trì hơn mười ngày. Chương Hàm đánh cho Chu Văn thua to bời. Chu Văn tự đâm cổ chết. Quân lính thuộc hạ không đánh nữa.

Vũ Thần đến Hàm Đan, tự lập làm Triệu vương, Trần Dư làm đại tướng quân, Trương Nhĩ, Triệu Tao làm tả hữu thừa tướng. Trần vương giận, bắt giam gia đình bọn Vũ Thần toan giết. Quan trụ quốc (phòng quân Thái Tứ) can:

Nước Tần chưa diệt được mà đã giết gia quyến của văn thần, võ tướng của Triệu vương thì khác nào xây thêm một chế độ Tần nữa, chỉ bằng nhân dịp phong cho họ là hơn.

Trần vương bèn sai sứ giả đi mừng nước Triệu, đưa gia quyến bọn Vũ Thần về cung, phong cho con Trương Nhĩ là Trương Ngao làm Thành Đô quân, và thúc quân Triệu tiến gấp về Hàm

Cốc Quan. Bọn văn thần, võ tướng của Triệu vương bàn nhau:

Vua ta (Vũ Thần) làm vua Triệu, đó không phải là ý muốn của Sở. Sở diệt xong Tần, tất sẽ đánh Triệu. Tốt hơn hết là đừng tiến quân về tây (vào đất Tần) mà tiến lên bắc, chiếm lấy đất Yên để mở rộng địa bàn cho mình. Nước Triệu mà đóng giữ Đại Hà phía nam, lại chiếm được nước Yên, nước Đại phía bắc, thì dù cho Sở có thắng được Tần cũng không dám áp chế Triệu. Thừa lúc Tần suy sụp, Triệu có thể đắc chí trong thiên hạ.

Triệu vương cho là phải, vì vậy không tiến quân về tây mà sai một viên lại thuộc cũ của quân Thượng Dục tên là Hàn Quảng đem quân tiến lên phía bắc cướp đất Yên.

Những di thần, quý tộc và nhân sĩ nước Yên nói với Hàn Quảng:

Sở đã lập vua, Triệu cũng lập vua. Yên tuy nhỏ cũng là một nước vạn thặng^[64]. Xin Tướng quân tự lập làm Yên vương.

Hàn Quảng nói:

Mẹ Quảng đang ở Triệu. Không được.

Người Yên nói:

Nước Triệu lúc này đang lo đối phó với Tần ở phía tây, với Sở ở phía nam, không sức đâu mà ngăn cấm nổi chúng ta. Vả chẳng nước Sở mạnh thế mà còn không dám làm hại gia quyến các văn thần, võ tướng của Triệu vương thì riêng phần nước Triệu đâu dám làm hại gia đình Tướng quân.

Hàn Quảng cho là phải, bèn tự lập làm Yên vương. Mấy tháng sau, Triệu cho đưa mẹ và gia thuộc của Yên vương về Yên. Lúc đó vô số tướng lãnh chiếm đoạt đất đai nhiều không kể xiết.

Chu Thị tiến lên phía bắc chiếm đến Dịch Ấp, người Dịch Ấp là Điền Đảm giết quan lệnh Dịch Ấp mà tự lập làm Tề vương, lãnh đạo dân Tề chống đánh Chu Thị. Quân Chu Thị tan vỡ, rút về đất Ngụy, muốn lập dòng dõi vua Ngụy tên là Cữu – nguyên là Ninh Lăng quân – lên làm Ngụy vương. Lúc đó, Cữu đang ở trong khu vực của Trần vương, không về Ngụy được. Đất Ngụy bình định rồi, muốn lập Chu Thị lên làm Ngụy vương. Chu Thị không chịu. Sứ giả (do Chu Thị sai đi xin với Trần vương) đi đi, về về năm lần, Trần vương mới chấp nhận lời Chu Thị thỉnh cầu, lập Ninh Lăng quân Cữu làm Ngụy vương và cho Cữu về Ngụy. Chu Thị làm thừa tướng. Tướng quân Điền Tang và đồng bọn bàn với nhau:

Quân Chu, Chương đã vỡ, trong sớm tối quân Tần sẽ tới. Chúng ta vây Vinh Dương mà không hạ nổi, quân Tần kéo tới, chúng ta sẽ thua to. Chi bằng chúng ta chỉ để lại ít quân, đủ vây Vinh Dương, còn bao nhiêu quân tinh nhuệ đưa ra nghênh chiến quân Tần hết. Giả vương nay kêu ngạo, không giỏi quân sự, không thể cùng mưu sự, nếu chẳng giết đi, e việc sẽ hỏng.

Vì thế, họ làm giả vương lệnh mà giết Ngô Thúc, nộp đầu cho Trần vương. Trần vương sai sứ giả ban ấn lệnh doãn nước Sở cho Điền Tang, phong làm thượng tướng. Điền Tang sai các tướng lãnh là bọn Lí Qui vây chặt Vinh Dương, còn mình thì đích thân đem quân tinh nhuệ ra phía tây nghênh chiến quân Tần ở Ngao Thương. Hai bên giao chiến, Điền Tang tử trận, quân Tang tan vỡ. Chương Hàm xua quân tiến đánh Lí Qui ở dưới thành Vinh Dương. Quân Lí vỡ, bọn Lí Qui chết.

Người Dương Thành là Đặng Duyệt đem quân tới đóng ở Đàm Quận. Biệt tướng của Chương hàm tiến đánh, quân Đặng Duyệt tan, chạy sang đất Trần. Người Trần là Ngũ Từ^[65] đem quân đóng ở đất Hứa. Chương Hàm tấn công phá tan, quân Ngũ Từ chạy hết sang đất Trần. Trần vương giết Đặng Duyệt. Lúc Trần vương mới tự lập làm vua, người Lăng Huyện là Tần Gia,

người đất Trất là Đồng Tiệt, người đất Phù Li là Chu Kê Thạch, người huyện Thu Lư là Trình Bồ, người đất Từ là Đinh Tất đều mỗi người một nơi nổi dậy (chống Tần) cùng đem quân vây viên quận thú Đông Hải tên là Khánh ở Đàm Quận. Được tin, Trần vương cử Vũ Bình quân tên là Bạt, làm tướng quân, thống nhiếp các đạo quân đang vây Đàm Quận đó. Tần Gia kháng mệnh, tự lập làm đại tư mã, không chịu ở dưới quyền Vũ Bình quân, nói với đám tướng sĩ: Vũ Bình quân trẻ tuổi, không hiểu quân sự, chớ có nghe lời hắn.

Tần Gia bèn giả lệnh của Trần vương mà giết Vũ Bình quân Bạt.

Sau khi đánh tan Ngũ Từ, Chương Hàm tấn công Trần. Quan trụ quốc là phòng quân Thái Tú chết. Chương Hàm lại tiến đánh cánh quân của Trương Hạ ở mặt tây, ngoài thành nước Trần. Trần vương đích thân lâm trận đốc thúc tướng sĩ. Quân tan, Trương Hạ chết.

Tháng chạp, Trần vương đi Nhữ Âm, đến Hạ Thành Phụ. Người đánh xe cho Trần vương là Trang Cổ giết Trần vương để đầu hàng Tần. Thây Trần vương táng ở Đường Huyện. Tên thụy[66] Trần vương là Ẩn vương.

Tướng Lữ Thần – nguyên xưa là người phụ trách việc quét rửa trong cung Trần vương và lúc đó đang làm tướng chỉ huy đạo quân mũ xanh, từ Tân Dương xuất phát tấn công đất Trần, hạ được đất này, giết Trang Cổ và lại coi đất Trần là thuộc nước Sở. Trước kia, khi mới đến đất Trần, Trần vương có sai người đất Trất là Tống Lưu đem quân dẹp Nam Dương tiến vào Vũ Quan. Tống Lưu chiếm xong Nam Dương thì được tin Trần vương chết. Nam Dương lại vào tay Tần. Không vào nổi Vũ Quan, Tống Lưu quay về tiến đông, tới Tân Thái thì gặp quân Tần và Tống Lưu đem quân xin đầu hàng. Quân Tần điệu Lưu đến Hàm Dương và cho xé xác trước công chúng. Hay tin quân của Trần vương tan chạy, bọn Tần Gia bèn lập Cảnh Cản lên làm Sở vương và kéo quân đến Phòng Dự, định tấn công quân Tần ở dưới thành Đinh Đào. Họ sai sứ giả là Công Tôn Khánh đi gặp Tề vương[67] để tính chuyện hợp lực cùng tiến phát. Tề vương nói:

Nghe nói Trần vương bị thua, không biết sống chết ra sao. Lẽ nào nước Sở lại lập vua mà không xin phép (nước Tề)?

Công Tôn Khánh nói:

Nước Tề lập vua không xin phép nước Sở, tại sao nước Sở lại xin phép nước nước Tề? Vả chăng nước Sở thủ xưng kháng Tần thì lí ứng phải được ra hiệu lệnh cho thiên hạ chứ!

Điền Đảm giết Công Tôn Khánh. Quan tả hiệu úy và hữu hiệu úy của Tần lại tấn công và hạ được đất Trần. Lữ tướng quân[68] chạy, thu thập, tập hợp lại tàn quân. Quân của Dương Dương, quân Kinh Bồ, – tay lục lâm đã qui phụ Bà quân[69] – liên kết với quân Lữ Thần, lại đánh quân tả, hữu hiệu úy của Tần, phá hai cánh quân này ở Thanh Ba và thu lại đất Trần về cho Sở. Đúng lúc đó, Hạng Lương lập cháu Hoài vương tên là Tâm lên làm Sở vương.

Trần Thắng làm vua tất cả được sáu tháng. Từ lúc xưng vương, Thắng luôn ở đất Trần. Người bạn cày thuê thời trước hay tin đó tìm đến nước Trần, gõ cửa hoàng cung, nói: Tôi muốn gặp anh Thiệp.

Viên thủ vệ đang coi cung môn toan trối; phải phân trần mãi mới chịu bỏ qua, nhưng cũng không cho vào. Trần vương từ trong cung ra, thấy người thợ cày đón đường, gọi: Thiệp!

Trần vương nghe tiếng, vội lại rồi mời ngồi chung xe trở vô. Vô tới cung, thấy điện đài nguy nga, màn che trướng rủ, người thợ cày nói:

Chu cha! Quá xá[70]. Thiệp làm vua, sang trọng ghê![71]

Người Sở dùng chữ “đa” thay vì chữ “hoả” (“Đa” và “hoả” đều có nghĩa là nhiều). Tiếng “hoả”

được phổ biến ở Sở là bắt đầu từ thời Trần Thiệp, do bốn chữ “Hoả, Thiệp vi vương” (quá xá! Thiệp làm vua) của nông phu đó.

Người thợ cày lui tới ngày thêm xuống xã, đem cả những chuyện cũ của Trần Thiệp ra nói. Có người tâu lại với Trần vương:

Người ấy ngu dại, chỉ toàn nói láo, làm giảm uy tín của Đại vương!

Trần vương sai chém (người thợ cày). Những người quen biết Trần vương cũ đều tự bỏ đi. Do đó, chẳng còn ai thân với Trần vương. Trần vương cử Chu Phòng giữ chức trung chính[72], Hồ Vũ giữ chức tư quá[73], để hai người dò xét và xoi mói những lỗi lầm của bách quan. Các tướng lãnh đi chiếm đất về phục mệnh, hễ có điều gì làm không đúng chỉ thị là bị bới lông tìm vết, trừng trị rất gắt, cho rằng làm thế là trung với vua. (Chu Phòng và Hồ Vũ mà đã) không ưa là bắt lỗi xử thẳng, chứ không cần đưa ra pháp đình. Mà Trần vương thì tin dùng họ. Vì vậy, các tướng lãnh sinh ra hờ hững lơ là. Thua là tại thế.

Mặc dầu Trần Thắng đã chết, bọn vương, hầu, tướng, tướng do ông cắt đặt, điều khiển, rốt cục vẫn diệt được Tần, ông vẫn là người đầu tiên đứng lên trừ bạo. Thời Hán Cao Tổ, ba mươi hộ đã được phái đến lập nghiệp ở Đường Huyện để trong coi phần mộ Trần Thiệp và cho tới nay[74] ông vẫn được hưởng huyết thực[75].

Trử tiên sinh[76] nói:

Nhờ địa hình hiểm trở cho nên vững, nhờ khí giới, hình pháp cho nên trị, nhưng tất cả những cái đó chưa đủ tin cậy. Đấng tiên vương lấy nhân nghĩa làm gốc, coi ải quan, điển pháp chỉ là cái ngọn, há chẳng phải ư? Ta nghe Giả sinh[77] có nói:[78]

Tần Hiếu công dựa vào cái thế hiểm trở kiên cố của Hào Sơn và Hàm Cốc Quan, lại có được đất đai Ung Châu nữa; vua tôi họ cố thủ (cái ưu thế địa lợi đó) để nhòm ngó thiên hạ của Chu, có ý muốn gom châu bốn bể về một mối. Lúc đó Tần được Thương quân[79] giúp sức, bên trong thì cải cách chế độ, chăm lo chấn hưng nghề nông, nghề dệt, (để nâng cao mức sản xuất), cải tiến quân đội để chuẩn bị thế thủ, thế công; bên ngoài thì thực hiện kế hoạch liên hành[80] gây chiến tranh giữa các nước chư hầu. Kết quả là người Tần khoanh tay mà lấy được cả khu đất ở phía ngoài Tây Hà[81]. Sau khi Hiếu công mất, Huệ Văn vương, Vũ vương rồi Chiêu vương được thừa hưởng công nghiệp của Hiếu công, vẫn dùng chính sách liên hành như cũ mà phía nam lấy được Hán Trung, phía tây chiếm được Ba, Thục, phía đông đoạt được những vùng đất phì nhiêu, phía bắc[82] thu được những quận xung yếu. Chư hầu sợ hãi họp nhau kết ước để làm cho nước Tần yếu đi. Họ chẳng tiếc châu báu quý giá, chẳng tiếc đất cát phì nhiêu, vung ra mua chuộc đón rước các kẻ sĩ trong thiên hạ. Họ đính ước, kết giao, họ thân thiện, hợp nhất. Lúc đó, nước Tề có Mạnh Thường, nước Triệu có Bình Nguyên, nước Sở có Xuân Thân, nước Ngụy có Tín Lăng, bốn vị công tử đó[83] đều là người sáng suốt, trung tín, khoan hậu mà yêu người, tôn hiền mà trọng sĩ, đều theo chính sách hợp tung liên kết các nước Hàn, Yên, Triệu, Tống, Vệ, Trung Sơn[84], để phá[85] kế hoạch liên hành. Các kẻ sĩ của sáu nước (Tề, Sở, Yên, Hàn, Triệu, Ngụy) đều hưởng ứng: Ninh Việt, Từ Thương, Tô Tần, Đồ Hách... thì bày mưu; Tề Minh, Chu Tự, Trần Chấn, Thiệu Hoat, Lâu Hoãn, Dịch Cảnh, Tô Lệ, Nhạc Nghị... thì phổ biến ý tưởng; Ngô Khởi, Tôn Tấn, Đái Đà, Nghê Lương, Vương Liêu, Điền Kì, Liêm Pha, Triệu Xa... thì huấn luyện quân đội. Với một diện tích đất rộng gấp mười lần, một đạo quân đông hàng trăm vạn, họ đã từng ngửa mặt[86] trực chỉ Hàm Cốc Quan mà đánh Tần. Người Tần mở cửa nghênh chiến, quân chín nước[87] chạy trốn không dám tiến vào. Quân Tần không tổn một mũi tên mà thiên hạ đã khốn đốn. Tung ước bị hỏng, các nước tranh nhau cắt đất đút cho Tần. Tần có thừa sức đuổi quân thua, đánh quân chạy; thấy địch ngốn ngang hàng trăm vạn, máu địch chảy trôi cả những tấm khiên lớn nổi lênh bênh. Nhân cái lợi tạo nên do tung ước bị tan, thừa cái thế quân địch bị vỡ, nước Tần xâu xé đất nước, non sông của chư hầu, nước mạnh thì phục tùng, nước yếu thì triều cống. Truyền ngôi đến Hiếu Văn vương và Trang Tương vương, hai vị vua này trị vì không được lâu nhưng quốc gia vẫn vô sự.

Rồi đến Thuỷ Hoàng lên ngôi. Tần hoàng thừa hưởng cơ nghiệp của sáu đời (từ Hiếu công

đến Tương vương) để lại mà mạnh tiến, vung roi, buông cương, dọc ngang chế ngự cả thiên hạ, nuốt hai nước Chu[88], gồm luôn Lục Quốc, lên ngôi chí tôn mà thống trị cả doanh hoàn; dững, thẳng tay đàn áp chư hầu; oai, vang lừng bốn biển. Phía nam lấy đất Bách Việt, đặt hai quận Tượng Quận, Quế Lâm. Vua Bách Việt cúi đầu, buộc cổ, phó mặc tính mạng cho ngục quan. Rồi sai Mông Diêm đắp Trường Thành làm phen giàu cho bờ cõi, đẩy quân Hung Nô lùi xa bảy trăm dặm, người Hồ hết dám xuống chẵn ngựa ở phía nam. Kẻ sĩ (của Lục Quốc) cũng thôi không dám ho he, lấp tên giương cung mà báo oán. Thế rồi bỏ đi đạo tiên vương, đốt sách bách gia[89] làm cho lũ dân đen trở thành ngu dốt; phá huỷ các thành thị lớn, sát hại các bậc hào tuấn, trưng thu binh khí của thiên hạ đem cả về Hàm Dương mà đúc thành mười hai pho tượng lớn[90] với dụng ý làm suy nhược quân lực chư hầu. Xong rồi mới chiếm đóng Hoa Sơn, biến rừng núi hiểm yếu này thành chiến lũy và dùng con sông Hoàng Hà sâu rộng làm chiến hào. Dựa vào dãy thành dài hàng mười vạn trượng ấy, cây cỏ con hào lợi hai khó vượt ấy, với tướng giỏi, quân tinh luyện, dàn gươm sắc giáo bén mà tra hỏi, kiểm soát kẻ lại người qua. Bình định xong thiên hạ rồi, Tần Thuỷ Hoàng nghĩ rằng, với cái địa hiểm của đất Quan Trung, trong cái thế vững vàng như thành đồng che chở ở tận ngoài ngàn dặm, nghiệp đế vương của nhà Tần sẽ cha truyền con nối muôn đời.

Thuỷ Hoàng mất đi, uy danh để lại còn làm rung chuyển các nước khác. Thế mà Trần Thiệp, – một tên dân quèn, nhà rách vách nát, lang bang vô nghề nghiệp, tài năng dưới bậc trung bình, chẳng có cả đức của Trọng Ni, Mặc Dịch[91], chẳng có cái giàu Đào Chu, Y Đốn, lết gót trong hàng ngũ anh lính, chú quyền, khúm núm trước uy lực ông hương, cụ xã[92], (một anh Trần Thiệp tầm thường như vậy) đã cầm đầu một tốp lính ốm, vốn vịn có vài trăm tên mà làm cái việc đánh Tần! Tầm vong thay giáo mác, đốt tre làm cán cờ, thiên hạ hưởng ứng, lũ lượt nổi dậy, lễ mễ lương thực, xô theo như bóng theo hình, các trang hào tuấn đất Sơn Đông đã cùng vùng lên diệt trừ Tần tộc. Nói cho ngay, thực lực của Tần đâu đã suy nhược: đất Ung Châu vẫn thênh thang đó; Hào Sơn, Hàm Cốc vẫn hiểm yếu như bao giờ. Địa vị của Trần Thiệp đâu có cao sang bằng mấy ông vua của các nước Tề, Sở, Yên, Triệu, Hàn, Ngụy, Tống, Vệ, Trung Sơn; bấp cày, cán thuổng đâu chơi lại được với ngọn kích khoằm, mũi mâu dài; số người tự nguyện làm lính thú có thấm vào đâu, so với quân đội của chín nước. Còn nói về mưu sâu, tính xa, về phép hành quân, dụng binh thì cũng chẳng thể nào theo kịp được các bậc tiền bối. Ấy thế mà cục thế đổi dời, công nghiệp đảo lộn. Nếu như phải lượng sức cân tài, thì không thể đem Trần Thiệp so sánh với các nước Sơn Đông được. Với mảnh đất nhỏ buổi đầu, nhà Tần đã từ đó tiến tới chỗ nắm quyền vạn thặng, khống chế tám châu[93], bắt các nước ngang hàng phải khuất phục lại châu[94], rông rã hơn trăm năm, rồi thì lấy cả hoàn vũ làm nhà, cơ đồ vững như Hào Sơn, Hàm Cốc; (uy quyền lực lượng đến như thế mà) một tên dân quèn nổi dậy, đủ làm cho bảy miếu[95] lộn nhào, một thân nhân chủ toi mạng về tay người khác[96], làm trò cười cho thiên hạ, là tại làm sao? Là tại không thi hành nhân nghĩa mà chỉ dùng vũ lực đánh phá xâm lăng vậy.

9. LƯU HẦU^[97]

Lưu hầu Trương Lương, tổ tiên người nước Hàn. Ông nội tên là Khai Địa, tể tướng của Hàn Chiêu hầu, Tuyên Huệ vương và Tương Ai vương. Cha là Bình, tể tướng của Li vương và Điều Huệ vương. Năm thứ 23 đời Điều Huệ vương, Bình qua đời. Hai mươi năm sau khi Bình mất, nước Tần diệt nước Hàn^[98]. Lương còn nhỏ tuổi, chưa từng làm quan thờ nước Hàn. Lúc nước Hàn mất, nhà Lương còn ba trăm nô lệ^[99]. Em chết không chôn, Lương bỏ hết gia tài ra tìm thích khách để giết Tần vương^[100] hầu báo thù cho nước Hàn, vì ông và cha đã làm tể tướng giúp năm đời vua Hàn. Lương đã có dịp đến Hoài Dương nghiên cứu về điển chương chế độ đương thời và đã từng đi miền đông gặp Thương Hải quân, gặp được một dũng sĩ đúc giúp một cái chùy bằng sắt nặng trăm hai mươi cân. Tần Thủy hoàng để tuần du miền đông, Lương cùng với dũng sĩ này tập kích Tần hoàng đế ở Bắc Lăng Sa, đập nhằm vào xe tủy giá. Tần hoàng đế giận lắm, hạ lệnh khắp nơi phải truy tìm Trương Lương thật gắt. Lương bèn đổi danh tánh, chạy trốn đến Hạ Bì.

Lương từng thả bộ, thơ thẩn trên cầu Hạ Bì; có một ông già mặc áo cộc^[101], đứng lúc đi tới chỗ Lương thì đánh rơi chiếc giày xuống gầm cầu. Và quay nhìn Lương, bảo: Nhỏ! Xuống nhặt giày!

Lương ngạc nhiên, toan đánh, nhưng thấy ông lão già cả nên cố nhịn, nhảy xuống gầm cầu nhặt chiếc giày. Ông lão lại bảo: Xỏ vào chân cho ta!

Sẵn giày đã nhặt, Lương quì xuống, xỏ. Ông Lão cho chân vào giày rồi cười, bỏ đi. Lương kinh ngạc, nhìn theo. Ông lão đi chừng một dặm thì quay trở lại, nói: Chú bé này dạy được! Năm hôm nữa, sáng sớm, trở lại gặp ta ở đây.

Lương lấy làm lạ, quì xuống thưa:

Xin vâng.

Sáng sớm ngày thứ năm, Lương đến nơi hẹn. Ông lão đã ở đấy rồi, ông lão giận nói: Hẹn với người già cả mà lại đến sau, là nghĩa lí gì?

Rồi bỏ đi và nói tiếp:

Năm ngày nữa, gặp sớm.

Sáng ngày thứ năm lần này, Lương đến từ lúc gà gáy. Ông lão lại ở đấy rồi, và lại giận nói: Vẫn đến sau là nghĩa làm sao?

Rồi bỏ đi, bảo:

Năm ngày nữa, đến sớm hơn.

Năm ngày sau, chưa nửa đêm, Lương đã ra đi, đến nơi hẹn được một lát thì ông lão cũng tới. Ông lão mừng, bảo: Phải vậy mới được.

Và đưa ra một cuốn sách, bảo:

Đọc cuốn sách này thì làm thầy được bậc đế vương. Mười năm nữa, sẽ thấy phát đạt; mười ba năm nữa chú bé lại gặp ta. Tảng đá vàng ở chân núi Cốc Thành, phía bắc Tế Thủy chính là ta đó.

Chỉ nói có thế rồi đi, không gặp lại nữa. Sáng ra, giở sách ra xem thì là cuốn *Thái Công binh pháp*^[102]. Lương cho là sách lạ, đọc đi đọc lại đến thuộc lòng. Ở Hạ Bì, Lương sống một cuộc đời “nhậm hiệp”^[103]. Hạng Bá giết người đã từng trốn đến đây nhờ vả Lương.

Mười năm sau, bọn Trần Thiệp dấy binh, Lương cũng kết tập thanh niên, được hơn trăm người. Cảnh Câu được lập làm giả vương[104] nước Sở ở đất Lưu. Lương định đi theo thì giữa đường gặp Bái công. Bái công đem vài ngàn người chiếm miền tây Hạ Bì. Lương theo Bái công. Bái công cử Lương làm “Cứu tướng”[105]. Lương nhiều lần nói với Bái công về “Thái Công binh pháp”. Bái công vừa lòng và thường nghe theo. Lương nói cho người khác nghe thì không ai hiểu, Lương bảo: “Bái công thiên tư cao”. Thế là theo luôn Bái công, không đi tìm Cảnh Câu nữa.

Khi Bái công đi đến đất Tiết[106] thì gặp Hạng Lương. Hạng Lương lập Sở Hoài vương. Trương Lương nói với Hạng Lương:

Ngài đã lập con cháu vua Sở rồi, công tử nước Hàn – Hoành Dương quân tên Thành – là người hiền, ngài cũng nên lập làm Hàn vương cho có thêm vây cánh.

Hạng Lương sai Trương Lương đi tìm Hàn Thành, lập Thành làm Hàn vương, và cử Lương làm thân đồ[107] nước Hàn, cùng với Hàn vương đem hơn ngàn quân, tiến về miền tây, đánh chiếm đất Hàn. Đã hạ được mấy thành, nhưng lại bị quân Tần lấy lại, phải rút lui về đánh du kích trong vùng Dĩnh Xuyên. Lúc Bái công từ Lạc Dương tiến về núi Hoàn Viên ở phía nam, Lương đem quân theo Bái công, hạ được hơn mười thành của nước Hàn và đánh tan quân của Dương Hùng. Bái công để Hàn vương Thành ở lại giữ Dương Trach, còn mình thì cùng với Lương, tiến xuống nam, đánh lấy đất Uyển, tạt sang phía tây, tiến vào Vũ Quan. Bái công muốn mang hai vạn quân đánh quân Tần ở ải Nghiêu Quan, Lương nói với Bái công:

Quân Tần còn mạnh, chưa nên coi thường. Thần được biết viên trấn thủ Nghiêu Quan là con nhà hàng thịt. Cái phường con buôn đem lợi ra mà nhử dễ lắm. Xin Bái công cứ cố thủ thành trì ở đây mà chỉnh đốn thêm trận thế, dự bị lương thực cho năm vạn miệng ăn; ngoài ra cho cắm cờ trên các ngọn núi, làm kế nghi binh và sai Lịch Dị Cơ[108] đem của báu đốt lột tướng Tần.

Tướng Tần quả nhiên muốn làm phản, đề nghị liên kết (với quân Bái công) để cùng tiến về tây đánh úp lấy Hàm Dương. Bái công toan chấp nhận, nhưng Lương can:

Đó là mình muốn hấn làm phản thôi. Chưa chắc sĩ tốt của hấn chịu theo, mà đám sĩ tốt không theo thì nguy, chi bằng thừa lúc họ chệnh mảng mà đánh đi.

Bái công bèn tung quân đánh và đại phá quân Tần, tiến lên phía bắc tới huyện Lam Điền. Giao tranh trận nữa, quân Tần lại thua. Quân Bái công kéo tới Hàm Dương, Tần vương là Tử Anh ra hàng Bái công.

Bái công vào cung Tần, lâu đài, màn trướng, chó ngựa, châu báu, đàn bà con gái, kể có hàng ngàn, Bái công có ý muốn ở lại. Phàn Khoái khuyên Bái công nên rút ra ngoài. Bái công không nghe. Lương nói:

Tần vô đạo, nên Bái công mới đến được đây. Muốn vì thiên hạ diệt trừ tàn bạo thì ta nên tỏ ra đạu bạc cho người ta trông vào. Nay mới vào được đất Tần, đã nghĩ ngay đến chuyện an hưởng dật lạc thì khác nào như người ta vẫn nói: “Giúp vua Kiệt làm điều bạo ngược”[109]. Vả chẳng: “Nói thật mất lòng”, nhưng “thuốc đắng đã tật”[110]. Xin Bái công hãy nghe lời Phàn Khoái.

Bái công bèn rút quân ra đóng ở Bá Thượng.

Hạng Vũ đến Hồng Môn muốn đánh Bái công. Hạng Bá đang đem vào quân doanh của Bái công gặp riêng Trương Lương, muốn kéo Trương Lương cùng lánh (trận tập kích của Hạng Vũ). Trương Lương nói:

Lương tôi vì Hàn vương mà theo Bái công đi. Nay Bái công gặp việc cấp bách mà tôi cất lên bỏ đi thoát thân lấy một mình thì là bất nghĩa.

Lương bèn nói cho Bái công rõ hết ngọn ngành. Bái công cả sợ, hỏi:

Thế thì phải làm thế nào bây giờ?

Lương nói:

Bái công có thật lòng muốn phản Hạng Vũ chẳng?

Bái công nói:

Cái thằng nhãi ấy[111] nó xui mình giữ chặt Hàm Cốc, không để cho các nước chư hầu qua thì có thể làm vua cả nước Tần, cho nên mình mới nghe theo nó.

Lương hỏi:

Liệu quân của Bái công có đánh lui được quân của Hạng Vũ không?

Bái công lặng thinh hồi lâu, rồi nói:

Cổ nhiên là không được, phải làm thế nào bây giờ?

Lương bèn cố mời Hạng Bá. Hạng Bá vào gặp Bái công. Bái công đặt tiệc mừng cùng với Hạng Bá kết ước làm thông gia. Và nhờ Hạng Bá nói giúp (với Hạng Vũ) rằng Bái công không dám phản bội Hạng Vũ, rằng sở dĩ giữ Hàm Cốc là cốt đề phòng quân gian. Lúc gặp Hạng Vũ, Bái công giải thích ra sao, điều đó đã nói trong Hạng Vũ Bản Kỉ.

Tháng giêng năm đầu đời Hán[112], Bái công được lập làm Hán vương, thụ phong hai quận Ba và Thục. Hán vương tặng Lương một trăm dật[113] vàng, hai đấu ngọc trai, Lương biếu Hạng Bá tất cả. Hán vương cũng nhân dịp sai Lương biếu xén Hạng Bá rất nhiều để nhờ xin thêm đất Hán Trung. Hạng vương bằng lòng và Hán vương được thêm đất Hán Trung. Hán vương đi đến nước được phong. Lương tiễn đưa đến Bao Trung, Hán vương bảo Lương trở về với Hàn. Trong dịp này, Lương nói với Hán vương:

Sao Đại vương không tính chuyện đốt hết con đường sạn đạo[114] sau khi đã đi qua, không có ý muốn trở lại đây nữa, để Hạng vương được yên lòng.

Hán vương bảo Lương lên đường rồi ra đi, đến đâu, đốt sạch con đường sạn đạo đến đấy!

Lương về đến Hàn; vì Lương đi theo Hán vương, nên Hàn vương Thành không được Hạng vương cho về nước, nên Hàn vương Thành bèn cùng với Lương về đông (đến sở). Lương nói với Hạng vương rằng:

Hán vương đốt hết đường sạn đạo, không có ý trở lại nữa rồi.

Và Lương nói Hạng vương biết lá thư mưu phản của Tề vương Điền Vinh. Hạng vương cho rằng, như thế thì phía tây không còn phải lo về Hán vương nữa và Hạng vương đem quân lên phía bắc đánh Tề. Hạng vương rốt cuộc vẫn không chịu để cho Hàn vương Thành về nước mà còn giáng tước Thành, từ vương xuống hầu, trước khi giết Thành ở Bành Thành. Lương bỏ trốn, lên trở lại với Hán vương. Lúc đó Hán vương cũng đã bình định được Tam Tần rồi[115]. Lương được Hán vương phong cho làm Thành Tín hầu[116] và cùng Hán vương đông tiến đánh Sở.

Đến Bành Thành, quân Hán thua, phải quay trở lại. Tới Hạ Ấp, Hán vương xuống ngựa, ngồi xoay trên chiếc yên vừa tháo[117] mà hỏi Lương rằng:

Ta muốn bỏ tất cả đất đai từ Hàm Cốc trở về đông, ai có thể cùng ta mưu đồ đại nghiệp?[118]

Lương tiến lên thưa:

Có Cửu Giang vương Kinh Bối[119], một mãnh tướng của Sở hiện đang xích mích với Hạng vương và Bành Việt đã cùng Tề vương Điền Vinh làm phản Sở ở đất Lương[120]. Hai người đó, nên dùng gấp. Còn trong đám tướng lãnh của Hán vương thì chỉ có mỗi Hàn Tín là có thể phó thác cho đại sự, một mình đương nổi một phía. Nếu muốn bỏ (đất từ Hàm Cốc trở về đông) thì bỏ cho ba người ấy, như thế thì Sở có thể phá được.

Hán vương bèn sai Tuỳ Hà đi thuyết Cữu Giang vương Bối và cử người đi kết ước với Bành Việt. Kịp khi Ngụy vương Báo làm phản[121] thì Hán vương sai Hàn Tín đem quân đi đánh Báo, nhân đó lấy được cả mấy nước Yên, Đại, Tề và Triệu[122]. Nhưng sau cùng phá được nốt Sở thì nhờ công của cả ba người. Trương Lương hay đau yếu, chưa từng một mình đích thân cầm quân mà thường chỉ hoạch trù sách lược, thỉnh thoảng mới theo Hán vương ra trận.

Năm thứ ba đời Hán[123], Hạng Vũ vây Hán vương rất gấp ở Vinh Dương[124]. Hán vương lo sợ, cùng với Lịch Dị Cơ tính kế làm suy nhược lực lượng của Sở vương. Dị Cơ nói:

Xưa vua Thang đánh vua Kiệt[125] xong rồi thì phong cho con cháu vua Kiệt ở nước Kỉ; vua Vũ đánh vua Trụ, (xong rồi) thì phong cho con cháu vua Trụ ở nước Tống. Nay, nhà Tần bắt nhân bất nghĩa, xâm chiếm xả tắc chư hầu, diệt hết kẻ kế thừa của sáu nước, làm cho họ không còn tấc đất cắm dùi. Nếu Bệ hạ có thể tái lập dòng dõi sáu nước, cho họ đều được phong đất, nhận ấn, thì vua tôi, dân chúng của họ tất nhiên sẽ thấy đều đội ơn Bệ hạ, chẳng ai là không cảm cái ân đức ấy mà hướng về với Bệ hạ. Ân nghĩa đã có hiệu lực rồi, Bệ hạ sẽ ngoảnh mặt về phương nam mà xưng bá và dân nước Sở sẽ khép áo ngay ngắn mà về chầu.

Hán vương nói:

Hay! Hãy cho khắc ngay quốc ấn của sáu nước, luôn thể tiên sinh sẽ mang theo, khi đi chia đất phong cho họ.

Dị Cơ chưa kịp đi thì Trương Lương vào yết kiến Hán vương. Hán vương đang ăn, bảo: Tử Phòng vào đây. Có người bày kế cho ta làm suy giảm lực lượng của Sở.

Rồi kể lại hết lời Dị Cơ khuyên, Hán vương hỏi:

Theo ý Tử Phòng thì thế nào?

Lương hỏi lại:

Ai bày mưu cho Bệ hạ? Việc của Bệ hạ hỏng mất rồi.

Hán vương hỏi:

Sao kia?

Đáp:

Thần xin mượn đôi đũa Đại vương đang dùng để trình bày cùng Đại vương.

Rồi Lương nói tiếp:

Xưa vua Thang đánh vua Kiệt mà phong cho con cháu vua Kiệt ở nước Kỉ là vì đã cầm chắc trong tay sinh mạng của vua Kiệt rồi. Nay, Bệ hạ liệu đã cầm chắc trong tay sinh mạng của Hạng Tịch chưa?

Chưa!

Đó là lẽ không nên. Vũ vương đánh vua Trụ mà phong cho con cháu Trụ ở nước Tống là vì đã nắm chắc trong tay cái đầu của vua Trụ rồi. Bệ hạ liệu nắm chắc được cái đầu của Hạng Tịch chưa?

Chưa!

Đó là hai lẽ không nên. Vũ vương khi vào nước Ân, cho trang hoàng cái cổng xóm nơi Thương Dung ở, phóng thích Cơ Tử đang bị giam và sửa sang, đắp cao ngôi mộ Tỉ Can. Nay Bệ hạ đã có thể đắp cao phần mộ của bậc thánh nhân, trang hoàng cổng xóm của bậc hiền tài và tỏ lòng kính mộ với bậc trí giả chưa?

Chưa!

Đó là ba lẽ không nên. Vũ vương phát thóc cho Cự Kiêu, chia đụn tiền Lộc Đài cho đám dân nghèo đói. Nay Bệ hạ đã có thể phát thóc kho, chia tiền đụn cho đám dân nghèo đói chưa?

Chưa!

Đó là bốn lễ không nên. Đẹp xong nhà Ân, Vũ vương sửa đổi quân xa thành xe vận tải, xếp giáo mác, phủ da hổ lên trên, để tỏ cho thiên hạ biết rằng thôi không dùng binh đao nữa. Nay Bệ hạ có thể xếp vũ công, dùng văn trị, không cần đến binh đao chưa?

Chưa!

Đó là năm lễ không nên. Vũ vương thả ngựa trận ở phía nam Hoa Sơn để tỏ rằng không cần đến thứ ấy nữa. Nay Bệ hạ đã có thể thả ngựa, không cần dùng nữa chưa?

Chưa!

Đó là sáu lễ không nên. Vũ vương thả bò ở phía bắc Đào Lâm để tỏ rằng không cần chuyển vận, tích trữ (quân lương) nữa. Nay Bệ hạ đã có thể thả bò, không cần chuyển vận, tích trữ (quân lương) chưa?

Chưa!

Đó là bảy lễ không nên. Vả chăng các kẻ sĩ trong thiên hạ đi du thuyết, bỏ cả thân thích, mộ phần, thân bằng, cố hữu để theo Bệ hạ, ngày đêm chỉ trông chờ được chút ít đất đai. Nay, lập lại sáu nước, phong cho con cháu Hàn, Ngụy, Yên, Triệu, Tề, Sở, thì các du sĩ kia, người nào người ấy, họ sẽ về nước họ, thờ chủ họ, theo họ hàng, tìm bạn bè cũ, thăm mồ mả xưa, hỏi còn ai mưu đồ thiên hạ với Bệ hạ? Đó là tám lễ không nên. Hơn nữa, cốt nhất là đừng để cho Sở mạnh (Sở mà mạnh thì) sáu nước, một khi đã được tái lập, sẽ lại theo Sở, hỏi Bệ hạ còn làm cách nào mà bắt được họ làm bầy tôi? Nếu Bệ hạ dùng cái mưu kế của kẻ nào vừa vạch ra cho Bệ hạ đó, thì việc của Bệ hạ hỏng mất rồi.

Hán vương đang ăn ngừng lại, nhả miếng cơm, mắng:

Cái thằng nho sinh nhãi mép! Tí nữa làm hỏng việc của bố nó!

Rồi kíp cho lệnh huỷ các ấn.

Năm thứ tư đời Hán[126], Hàn Tín phá được nước Tề và muốn tự lập làm Tề vương, Hán vương nổi giận. Trương Lương thuyết phục Hán vương, Hán vương sai Trương Lương trao ấn Tề vương cho Hàn Tín – việc này nói rõ trong Hoài Âm Hầu Liệt Truyện[127] – Mùa thu năm đó, Hán vương đuổi quân Sở đến phía nam Dương Hạ, chiến trường không lợi, phải rút về cố thủ ở Cổ Lăng. Chư hầu sai hẹn không đến[128]. Lương bày mưu cho Hán vương, Hán vương theo và chư hầu lại đến đủ mặt. – Việc này đã nói trong Hạng Vũ Bản Kỉ.

Năm thứ sáu đời Hán[129], tháng Giêng, phong thưởng cho công thần. Trương Lương chưa từng có công cầm quân thắng địch ngoài mặt trận. Cao đế nói:

“Vận trù sách lược trong (hổ) trướng, quyết định thắng địch ngoài ngàn dặm, đó là cái công của Tử Phòng. Tử Phòng được tự ý chọn lấy ba vạn hộ đất ở Tề làm phong ấp”.

Lương nói:

Lúc đầu, mới dấy lên ở Hạ Bì, tôi được gặp Bệ hạ ở đất Lưu, đó là trời trao cho Bệ hạ. Bệ hạ dùng kế của tôi, đó là cái may mắn ngẫu nhiên xui nên đó thôi. Tôi chỉ xin được phong ở đất Lưu là đủ rồi, không dám nhận ba vạn hộ.

Cao đế bèn phong Trương Lương làm Lưu hầu, cùng một lúc với bọn Tiêu Hà. Năm thứ sáu, hơn hai mươi đại công thần được phong thưởng. Còn những người khác thì ngày đêm so bì tị nạnh về công trạng, chưa ngã ngũ hẳn, cho nên chưa được thưởng. Cao đế ở nam cung trong thành Lạc Dương, từ “phức đạo”[130] trong ra thấy các tướng ở ngoài bãi thỉnh thoảng châu đầu bàn tán. Cao đế hỏi:

Họ nói gì thế nhỉ?

Lưu hầu đáp:

Bệ hạ không biết ư? Họ mưu phản đó.

Thiên hạ ít lâu nay yên ổn rồi, còn mưu phản cái gì?

Bệ hạ xuất thân là người áo vải[131], nhờ bọn họ mà lấy được thiên hạ. Nay Bệ hạ ở ngôi Thiên tử mà những người được phong thưởng thì toàn là những Tiêu Hà, Tào Tham, những người cố cựa vốn được Vệ hạ thân yêu – Còn những người bị giết chóc thì toàn là những người thuở giờ bị thù oán. Nay đám tướng sĩ tính những người có công, nếu phong thưởng hết thì cả đất thiên hạ chia ra cũng không đủ, và họ sợ rằng Bệ hạ không thể phong cho khắp được; họ lại còn lo rằng không chừng bình nhật bị nghi là có lỗi, phen này bị giết cũng nên; thế nên họ hớp nhau lại mà mưu phản.

Cao đế lo, hỏi:

Làm thế nào bây giờ?

Lưu hầu nói:

Bệ hạ thuở giờ ghét ai, quần thần đều biết cả. Vậy chớ ai là người Bệ hạ ghét nhất?

Ung Xỉ với ta là chỗ cố cựa, nhiều lần hấn đã ý sức làm nhục ta, ta muốn giết đi cho rồi, nhưng vì hấn lập được nhiều công, nên ta lại không nỡ.

Nay xin Bệ hạ phong gấp cho Ung Xỉ để quần thần thấy rõ, quần thần thấy Ung Xỉ được phong thưởng thì ai nấy đều sẽ vững dạ.

Cao đế bèn thiết tiệc đãi quần thần, phong Ung Xỉ làm Thập Phương hầu và giục các quan thừa tướng, ngự sử định công phong thưởng gấp. Tiệc tan, quần thần đều vui mừng bảo nhau:

“Ung Xỉ mà được phong hầu, thì bọn mình không lo”.

Lưu Kính thuyết Cao đế:

Nên đóng đô ở Quan Trung.

Cao đế ngờ. Các quan đại thần thân cận toàn người Sơn Đông[132] thì ai cũng khuyên đóng đô ở Lạc Dương:

Lạc Dương, phía đông có thành cao, phía tây có Hào Sơn, Mẫn Trì, phía bắc dựa vào Đại Hà, phía nam trông ra Y Thuỷ, Lạc Thuỷ, bốn bề núi sông hiểm trở, có thể ỷ vào cái thế ấy được.

Lưu hầu nói:

Lạc Dương tuy có cái thế hiểm trở đó, nhưng địa bàn hẹp, không trên vài trăm dặm, không phải là đất dụng võ. Quan Trung phía tây có Hào Sơn, Hàm Cốc, phía đông có Lũng Sơn, Thục Trung, sẵn đồng ruộng màu mỡ cả ngàn dặm, phía nam có Ba Quận, Thục Quận phì nhiêu, phía bắc có đồng cỏ của rợ Hồ, tiện lợi việc chăn nuôi, chẹn ba mặt mà phòng thủ, riêng bỏ ngỏ phía đông để chế ngự chư hầu. Lúc chư hầu yên ổn, hai dòng Đại Hà, Vị Thuỷ là những đường vận tải lương thực từ các nơi đưa về kinh sư ở phía tây. Lúc chư hầu biến động thì thuận dòng hai con sông ấy mà chuyển vận binh lương. Đó, (Quan Trung) chính là nơi người ta gọi là “Thành đồng ngàn dặm, kho đụn của trời” vậy. Lưu Kính nói đúng.

Ngày ngày hôm đó, Cao đế ra lệnh chuẩn bị xa giá, để dời về phía tây đóng đô ở Quan Trung. Lưu hầu dời theo. Vốn người đa bệnh, Lưu hầu tức thì theo phép “đạo dẫn”[133] và nhịn cơm, hơn một năm đóng cửa không ra ngoài.

Cao đế muốn bỏ thái tử, lập người con của Thích phu nhân là Triệu vương Như Ý lên thay. Phần nhiều các quan đại thần can ngăn mà Cao đế lưỡng lự chưa quyết ý, Lữ hậu sợ, không biết làm thế nào. Có người nói với Lữ hậu rằng:

Lưu hầu mưu cao, được hoàng thượng tín nhiệm.

Lữ hậu sai Kiến Thành hầu Lữ Trạch^[134] ép nài với Lưu hầu:

Ông là mưu thần của hoàng thượng, Nay hoàng thượng muốn thay thái tử, lẽ nào ông nỡ nằm khểnh mà nhìn.

Lưu hầu nói:

Trước kia, đương lúc hoàng thượng gặp nhiều nguy cấp, kế hoạch của tôi may mắn được ngài nghe theo. Nay thiên hạ đã ổn định, vì lòng sủng ái, ngài muốn thay đổi thái tử thì đó là câu chuyện liên quan đến tình ruột thịt, dám bày tôi dù có cả trăm người xen vào, cũng vô ích.

Lữ Trạch cố nèo:

Xin ông hãy bày mưu giúp tôi.

Lưu hầu nói:

Việc này dùng lời khó có hiệu lực. Nhưng trong thiên hạ, có bốn người hoàng thượng không mời nổi. Bốn người đó, tuổi đều đã cao, họ cho là hoàng thượng khinh người, cho nên đều bỏ, vào núi vì nghĩa khí, không chịu làm tôi nhà Hán. Mặc dầu vậy, hoàng thượng vẫn kính trọng bốn người đó. Nay, nếu ông không tiếc vàng ngọc lụa là, thì xin hãy nói với thái tử viết thư, dùng lời lẽ cho nhũn nhặn, sửa xe ngựa cho êm, đẹp rồi sai người có khẩu tài đi mời họ cho ân cần thiết tha, thì chắc họ về. Họ mà về thì tiếp đãi họ như thượng khách, thỉnh thoảng để họ theo thái tử vào triều, cho hoàng thượng trông thấy, hoàng thượng tất lấy làm lạ mà hỏi. Hỏi rồi hoàng thượng sẽ rõ đó chính là bốn người hiền, như thế là giúp ích cho thái tử đó.

Lữ hậu sai Lữ Trạch cho người mang thư của thái tử, lời nhũn nhặn, lễ hậu, đi rước bốn ông già kia. Bốn ông già đến, ăn ở trong dinh Kiến Thành hầu.

Năm thứ mười một đời Hán^[135], Kinh Bô làm phản. Vua đang ngoạ bệnh, muốn sai thái tử cầm quân đi dẹp. Bốn ông già nói với nhau:

Chúng ta được mời đến đây là cốt để bảo toàn cho thái tử. Thái tử cầm quân thì nguy.

Họ bèn nói với Kiến Thành hầu:

Thái tử cầm quân mà thắng thì thái tử vẫn hoàn thái tử, địa vị chẳng hơn gì bây giờ. Nếu vô công trở về thì do đó mà bị vạ. Vả lại, cùng đi với thái tử chuyến này, toàn là hạng tướng giỏi, đã từng giúp hoàng thượng bình định thiên hạ, Vả mà nay để thái tử cầm đầu họ thì có khác gì để cừu cầm đầu sói? Họ sẽ không chịu tận lực giúp và, như vậy, phần thua cầm chắc rồi. Chúng tôi nghe nói: “Yêu mẹ thì tất năng bằng con”^[136]. Nay Thích phu nhân ngày đêm hầu hạ hoàng thượng, đã thường bế Triệu vương Như Ý ở trước mặt ngài và ngài đã nói: “Dầu sao, ta cũng chẳng để cho một đứa con bất hiếu^[137] được ở trên một đứa con cưng”. Rõ ràng là ngài định chuyện phế lập rồi. Làm sao ông không gấp xin Lữ hậu thừa lúc Thích phu nhân vắng mặt mà khóc than với hoàng thượng rằng: “Kinh Bô là một mãnh tướng trong thiên hạ, rất giỏi dụng binh. Các tướng lãnh hiện nay đều là những tướng lãnh cũ của Bê hạ, cấp bậc ngang nhau. Vậy thì cho thái tử chỉ huy họ thì khác nào cho cừu cầm đầu sói, sẽ chẳng ai chịu hết lòng. Vả chẳng Kinh Bô mà biết thái tử cầm quân đi hấn sẽ mở cờ giống trống mà tiến về tây. Bê hạ tuy đau nhưng cũng nên gắng gượng đích thân ra tiền tuyến, chỉ cần nằm đó nghỉ trong xe mui mà giám hộ, là các tướng không ai dám không tận lực. Bê hạ tuy vất vả thật, nhưng cũng nên gắng gượng vì vạ con”.

Ngay đêm hôm đó, Lữ Trạch vào gặp Lữ hậu.

Lữ hậu thừa lúc Thích phu nhân vắng, sụt sùi nói với Cao đế những lời bốn ông già xui. Cao đế nói:

Ta cũng nghĩ thẳng nhãi ấy không đáng nổi, thôi, để bố nó đi vậy.

Thế là Cao tổ đích thân kéo quân về đông, quần thần ở lại giữ thành đều tiễn chân đến Bá Thượng. Lưu hầu đầu cũng gắng dậy, đến trạm Khúc Bưu ra mắt Cao đế, nói:
Lễ ra thần đi theo Hoàng thượng mới phải, hiềm vì thần đau quá. Người Sở[138] lạnh lẽ, xin Hoàng thượng chớ có tranh phong[139] với họ.

Nhân dịp lại tâu thêm:

Xin cho thái tử làm tướng quân, giám đốc các đạo quân trấn thủ Quan Trung.

Cao đế nói:

Tử Phòng đau thì đau, cũng xin nằm đó cố gắng dạy bảo thái tử.

Lúc đó, Thúc Tôn Thông giữ chức thái phó, Lưu hầu làm thiếu phó.

Năm thứ mười hai đời Hán[140], Cao đế dẹp xong Kinh Bối về, bệnh tình mỗi ngày một thêm nặng và càng ngày càng muốn thay đổi thái tử. Lưu hầu can cũng không nghe. Nhân thế, Lưu hầu cáo bệnh xin nghỉ. Quan thái phó Thúc Tôn Thông đem những chuyện đắc thất xưa nay ra dẫn chứng để bênh vực thái tử cho bằng được. Cao tổ vờ ưng thuận nhưng trong bụng vẫn muốn thay thái tử. Gặp ngày thiết yến, thái tử đứng hầu, bốn ông già theo bên thái tử, tuổi đều ngoài tám mươi, mày râu bạc phơ, áo mũ rất là sang trọng. Cao đế trông thấy, lấy làm lạ hỏi:
Bọn nào?

Bốn ông già tiến lên trước mặt Cao đế nói rõ tính danh:

Bẩm là Đông Viên công, Lộc lí[141] tiên sinh, Ý Lí Quý và Hạ Hoàng công.

Cao đế kinh ngạc, nói:

Mấy năm, ta tìm các ông mà các ông tránh mặt. Sao bây giờ các ông lại đến đây chơi với con ta thế này?

Bốn ông già đều nói:

Bệ hạ khinh kẻ sĩ và phũ miệng hay chửi, bọn chúng tôi vì tiết tháo, không chịu được nhục, cho nên sợ mà trốn. Trộm nghe thái tử là người nhân, hiếu, biết kính mến kẻ sĩ, thiên hạ chẳng ai là không mong được hi sinh cho thái tử, cho nên chúng tôi mới tới đây.

Cao đế nói:

Phiền các ông, trước sao sau vậy, giữ gìn giúp đỡ thái tử.

Bốn người chúc thọ xong rồi, cáo lui. Cao đế nhìn theo, gọi Thích phu nhân lại trở vào bốn ông già, nói:

Ta muốn thay nó mà bốn ông già kia giúp nó, vây cánh nó có rồi, khó mà đụng được. Lữ hậu đích thực là chủ của khanh rồi!

Thích phu nhân khóc. Cao đế nói:

Khanh múa lối Sở cho ta coi, để ta hát điệu Sở cho khanh nghe[142].

Hát rằng:

*“Hồng hộc cao bay,
một bay ngàn dặm.
Cánh lông đủ dài,
bốn bể tung bay.
Tung bay bốn bể...
làm chi nổi mảy!
Dù sẵn cung tên,*

bắn làm sao đây?”

Hát đi hát lại mấy lần. Thích phu nhân sụt sùi than thở; Cao đế đứng dậy, bỏ đi, tiệc rượu được dẹp. Cao đế rút cuộc bỏ ý phế lập. Đó là nhờ công Lưu hầu đã bày kế (bảo thái tử) vờ ốm ông già.

Lưu hầu theo Cao đế đi đánh nước Đại[143], bày kì kế ở dưới thành Mã Ấp. Lúc khuyên lập Tiêu Hà làm thừa tướng. Lưu hầu ung dung bàn việc thiên hạ với Cao đế đề cập đến rất nhiều chuyện, nhưng vì là những chuyện không quan hệ đến sự mất còn của quốc gia, cho nên không chép ra đây. Lúc hầu tuyên bố:

“Mấy đời liền làm tướng quốc nước Hàn, đến khi Hàn bị diệt, không tiếc bỏ vạn dật vàng ra mưu báo thù nước Tần cho nước Hàn, làm cho chấn động. Nay dùng ba tấc lưỡi, làm đế vương sự, phong vạn hộ hầu, đó là mức tốt cùng của người áo vải, đối với Lương này, như thế đủ rồi. Giờ xin gác hết chuyện đời, chỉ muốn theo chân thầy Xích Tùng Tử[144] mà thôi”.

Lưu hầu bèn theo phép “tịch cốc”[145], “đạo dẫn” để làm cho mình nhẹ nhõm. Gặp lúc Cao đế băng, Lữ hậu cảm công đức Lưu hầu (đã ủng hộ và bảo toàn thái tử), ép ông ăn uống: Người ta sinh ra đời, khác nào bóng con bạch câu qua kẽ vách. Việc gì mà tự làm khổ mình như thế?

Lưu hầu bắt đắc dĩ phải ăn lại cơm.

Tám năm sau[146] Lưu hầu mất, đặt tên thụy là Văn Thành hầu[147]. Con là Bất Nghi được tập phong làm Lưu hầu.

Lúc trước, Tử Phòng có gắp ông già cho cuốn *Thái Công thư* ở cầu Hạ Bì. Mười ba năm sau, khi theo Cao đế đi qua Tế Bắc, ông thấy có một tảng đá màu vàng ở chân núi Cốc Thành thật. Ông kính mến tảng đá và cho lập đền thờ. Lưu hầu mất, cũng chôn ngay ở phía dưới tảng đá ấy. Gặp ngày tảo mộ, tế chạp, cũng cúng tế cả tảng đá.

Năm thứ năm đời Hiếu Văn Đế, Lưu hầu Trương Bất Nghi phạm tội bất kính, bị phạt khổ sai và bị “quốc trừ”[148] (mất tập tước).

Thái sử công nói:

Phần nhiều kẻ đọc sách không nói có quỷ thần, nhưng nhận có quái vật. Như Lưu hầu gắp ông già cho sách thì cũng là việc đáng lấy làm lạ lùng. Cao tổ gặp cảnh nguy khốn, không phải chỉ một vài lần mà lần nào Lưu hầu giúp cũng đắc lực, như thế há phải là có Trời ư? Cao đế nói: “Vận trù sách lược trong (hổ) trướng, quyết định thắng địch ngoài ngàn dặm, ta đây không bằng Tử Phòng”. Tôi cứ ngỡ con người đó tất phải khôi ngô kì vĩ; tới khi nhìn ảnh, thì trang mạo chẳng khác gì một trang mỹ nhân. Khổng Tử nói: “Cứ trông mặt mà bắt hình dong”, thì xét làm Tử Vũ mất”[149]. Trường hợp Lưu hầu cũng vậy.

10. TRẦN THỪA TƯỚNG^[150]

Thừa tướng Trần Bình, người làng Hộ Dũ, huyện Dương Dũ. Thuở nhỏ, nhà nghèo, ham đọc sách, có ba mươi mẫu ruộng, sống cùng với anh Cả^[151]. Anh cả làm ruộng để cho Bình được tự do du học. Bình người to lớn và đẹp trai. Có người bảo Trần Bình:

“Nhà nghèo thế, ăn uống gì mà lớn mập vậy?”

Người chị dâu, ghét Bình, chẳng chịu nhìn gì đến công việc sinh nhai, nói:

Đến cùng ăn tấm, ăn cám mất thôi! Có ông em chồng như thế này thì chả thà đừng có!

Anh Cả nghe tiếng, liền bỏ vợ, đuổi đi. Bình Lớn lên, đến tuổi lấy vợ, những nhà có cửa, không ai chịu gả con cho, mà con nhà nghèo thì Bình không chịu lấy. Mãi về sau, trong làng Hộ Dũ, có bà cụ họ Trương^[152], nhà giàu, có cô cháu gái goá chồng đến năm lần, không còn ai dám hỏi nữa. Bình muốn hỏi. Trong ấp có người chết, Bình vì nghèo, lại làm giúp, đến sớm về muộn, mong được đồng tiền thù lao. Bà cụ Trương gặp Bình ở nhà đám và đem lòng quý Bình. Vì vậy, muốn được lòng bà cụ hơn, Bình càng về muộn. Bà cụ theo Bình về nhà, nhà Bình ở sâu trong hẻm, sát tận chân thành, cổng chẳng có cánh, phải treo chiếc chiếu rách, nhưng ngoài cổng có nhiều vết xe của bậc trưởng giả^[153]. Bà cụ Trương về nhà nói với người con trai, là anh Hai Trương rằng^[154]:

Tao muốn gả con cháu cho Trần Bình.

Anh Hai Trương nói:

Bình nghèo mà lại liêu lẳng, trong huyện ai cũng chê cười, làm sao mình gả con cháu cho hắn được!

Bà cụ nói:

Làm gì có người tuấn tú như Trần Bình mà lại nghèo khổ mãi bao giờ?

Rốt cuộc (gia đình bà cụ Trương) bằng lòng gả. Vì Bình nghèo nên nhà gái cho Bình mượn tiền để sửa lễ hỏi, cho rượu thịt để làm cỗ cưới. Bà cụ Trương răn cháu rằng:

Chớ vì nhà chồng nghèo mà đối xử với người ta không cẩn trọng đấy nhé. Phải đối xử với anh Cả như thờ cha vậy, đối xử với chị Cả như thờ mẹ vậy.

Sau khi cưới Trương thị, có thêm đồng ra đồng vào, Bình giao du ngày càng thêm rộng.

Xóm^[155] vào đám tế thần; được xóm cử trông nom việc phân chia thịt. Bình phân chia rất đều^[156], các phụ lão bảo:

Giỏi! Cu Bình trông nom giỏi quá!

Bình nói:

Chao ôi! Cho Bình tôi điều khiển thiên hạ thì Bình tôi điều khiển cũng chẳng kém việc chia thịt.

Trần Thiệp khởi binh làm vua nước Trần, sai Chu Thị đánh chiếm đất Ngụy^[157], lập Ngụy Cữu lên làm Ngụy vương, giao chiến với quân Tần ở Lâm Tế. Trần Bình, trước đó đã cáo biệt anh Cả và cùng đám thanh niên đến Lâm Tế phụng sự Ngụy vương Cữu. Ngụy vương cho làm thái bộc^[158]. Trần Bình thuyết Ngụy vương không dặt lời, lại còn bị người gièm pha, nên bỏ đi. Lâu về sau, Hạng Vũ đánh chiếm được tới Đại Hà, thì Trần Bình về với Hạng Vũ, theo đi phá Tần, được đối đãi vào hàng khanh. Vũ tiến về đông, xưng vương, đóng đô ở Bành Thành, (trong khi đó) Hán vương đã lại bình định được Tam Tần và cũng tiến về đông. Vua nước Ân phản bội Sở^[159]. Hạng Vũ bèn phong cho Bình làm Tín Vũ quân, thống lãnh bộ đội cũ của Ngụy vương Cữu – lúc đó đang ở Sở – đem đi đánh Ân vương. Ân vương đầu hàng, Trần Bình mới trở về. Hạng Vũ ra lệnh cho Hạng Hãn phong Bình làm đô úy^[160], tặng Bình hai mươi dật vàng. Chưa được bao lâu, Hán vương lại đánh bắt được Ân vương^[161]. Hạng vương giận định giết những tướng trước đã bình định đất Ân mà Hạng Vũ ngờ là nhị tâm, có ý khác. Trần Bình sợ bị giết,

gói vàng và ấn cho người trả lại Hạng vương, một mình đeo gươm theo đường tắt chạy trốn. Bình qua sông Hoàng Hà, anh lái đò thấy khách lạ, đẹp trai mà lại đi một mình ngờ là một tướng lĩnh chạy trốn, trong mình chắc có vàng ngọc châu báu; hấn chăm chú nhìn, có ý muốn giết Bình. Bình chợt da, bèn cởi áo ở trần, giúp ai lái ra sức chèo chở. Anh lái hiểu Bình không có gì mới thôi. Bình đến Tu Vũ đầu hàng Hán vương. Nhờ Ngụy Vô Tri giới thiệu cho ra mắt Hán vương, Bình được Hán vương vời vào.

Lúc đó, Vạn Thạch quân tên là Phấn coi việc quét rửa trong cung Hán vương. Phấn nhận danh thiếp của Bình, đưa Bình vào bệ kiến. Bọn lính tất cả bảy người cùng vào và được mời cơm. Hán vương nói:

Được rồi, hãy ra khách xá nghỉ.

Bình thưa:

Thần có việc, thần mới tới đây, điều thần muốn tâu không thể để chậm qua ngày hôm nay được.

Hán vương tiếp chuyện Bình, lấy làm bằng lòng. Hỏi rằng:

Ở Sở, anh làm chức gì?

Bình đáp:

Làm đô úy.

Ngay hôm đó, Bình được phong làm đô úy, giữ chức tham thừa [\[162\]](#), chương quản việc xét nét các tướng. Các tướng xôn xao:

Đại vương thu nạp một anh lính Sở đào ngũ, mới trong một ngày, chưa biết hay hèn ra sao mà đã cho luôn ngồi cùng xe, còn cho xét nét bọn quân trưởng chúng mình nữa!

Hán vương nghe nói thế lại càng thân yêu Bình hơn. Rồi cho cùng đi sang đông đánh Hạng vương. Đến Bành thành, bị quân Sở đánh bại. Quay về, thu thập tàn quân, đến Vinh Dương [\[163\]](#). Hán vương cho Bình làm á tướng để tùy thuộc Hán vương Tín [\[164\]](#), đóng đồn ở Quảng Vũ. Bọn Giáng hầu, Quán Anh đều gièm Trầm Bình rằng:

Bình tuy đẹp trai, tốt mã như ngọc giát mũ, kì thực chưa chắc đã ra cái gì. Thần đã nghe nói Bình lúc còn ở nhà thì ăn trộm của chị dâu, thờ Ngụy thì Ngụy chẳng dùng, phải bỏ chạy về Sở; về với Sở, cũng lại chẳng hợp, lại phải bỏ chạy về Hán. Nay đại vương cho Bình làm quan lớn, giám hộ quan quân. Bọn thần chúng tôi nghe nói Bình nhận vàng của các tướng, ai đút lót nhiều thì được chỗ tốt, ít thì bị chỗ xấu. Bình là một kẻ loạn thần phản phúc, xin Đại vương xét cho.

Hán vương sinh nghi, cho đòi Ngụy Vô Tri lại trách. Vô Tri tâu:

Thần nói là nói về tài năng. Bệ hạ hỏi là hỏi về phẩm hạnh. Có phẩm hạnh cao như Vi Sinh, Hiếu Kỉ mà chẳng đủ tài năng để giúp ích cho việc quyết thắng thì Đại vương dùng để làm gì? Sở, Hán đang chống nhau, thần tiến cử kẻ sĩ có kì mưu là chỉ xét: liệu kế hoạch của kẻ sĩ có đủ giúp ích cho quốc gia hay không, thế thôi. Còn cái chuyện ăn trộm của chị dâu và nhận vàng của các tướng thì ngờ làm gì?

Hán vương cho đòi Trầm Bình lại trách:

Tiên sinh thờ Ngụy chẳng hợp, bỏ đi thờ Sở, nay lại đến đây với ta. Người trọng tình nghĩa mà tráo trở thế ư?

Bình nói:

Thần thờ Ngụy vương, Ngụy vương chẳng dùng được thuyết của thần, cho nên thần bỏ đi thờ

Hạng vương. Hạng vương không tin người, người được tin nhiệm nếu chẳng phải thuộc dòng họ Hạng thì cũng là anh em đồng nhà vợ; dù có sẵn kẻ kì sĩ, Hạng vương cũng không dùng nổi, vì thế mà thần bỏ Sở. Nghe nói Hán vương biết dùng người, cho nên thần về với Đại vương. Thần tuy tay không mình trần đến đây, không nhận vàng thì không lấy gì làm gia tư tài sản. Nếu kế hoạch của thần có chỗ khả thủ thì xin Đại vương dùng, bằng không dùng thì vàng còn nguyên đó, thần xin gói trả để sung công và xin được toàn vẹn năm xương mà rút lui.

Hán vương xin lỗi, hậu tặng và cho làm hộ quân trung úy[\[165\]](#) giám sát tất cả các tướng lãnh. Các tướng lãnh bấy giờ mới thôi không dám nói gì nữa.

Sau đó, Sở tấn công gấp, phá đường vận lương của Hán, vây Vinh Dương. Đồi bên giằng có mãi, Hán vương lấy làm lo, xin cắt đất từ Vinh Dương trở về tây để cầu hoà. Hạng vương không nghe. Hán vương nói với Trần Bình:
Thiên hạ rối bời, bao giờ mới yên?

Trần Bình nói:

Hạng vương là người lễ độ và yêu người, những kẻ sĩ tiết tháo và hiếu lễ về với ông ta nhiều. Nhưng khi luận công phong tước thì ông ta lại tỏ ra hẹp hòi, cho nên nhiều người không tán thành. Đại vương đây thì khinh mạn, sống sượng, những kẻ sĩ tiết tháo không tới giúp, nhưng Đại vương phong thưởng rất rộng rãi, chính vì vậy mà những kẻ sĩ ngoan độn, ham lợi, vô sỉ phần nhiều xu phụ Đại vương. Nếu Đại vương bỏ được hai sở đoản mà thái thủ được cả hai sở trường thì việc bình định thiên hạ cũng dễ và lạ. Nhưng Đại vương khinh người quá đổi, không thu dụng được những kẻ sĩ tiết tháo. Về phía Sở, vẫn có thể có mầm loạn. Đám bầy tôi trung thực của Hạng vương bất quá chỉ có mấy người, đại khái như Á phụ[\[166\]](#), Chung Li Mạt, Long Thư, Chu Ân. Nếu Đại vương chịu bỏ vài vạn cân vàng để thi hành kế hoạch phản gián, li gián vua tôi họ với nhau, làm cho họ ngờ vực lẫn nhau, thì, Hạng vương vốn là người đa nghi và tin lời gièm pha, trong nội bộ họ, tất xảy ra cái việc chém giết lẫn nhau. Thừa dịp, Hán sẽ cất quân tấn công và việc phá tan Sở là việc chắc chắn.

Hán vương cho là phải, bỏ ra bốn vạn cân vàng, giao cho Trần Bình tùy ý sử dụng, muốn làm gì thì làm, không cần tính toán.

Tung vàng ra phản gián quân Sở rồi, Trần Bình công khai tuyên bố rằng những tướng lãnh của Sở như bọn Chung Li Mạt lập được nhiều công trạng mà vẫn không được chia đất, phong vương, cho nên họ muốn hợp lực với Hán mà diệt họ Hạng để được phong vương, cùng chia đất Sở. Quả nhiên, Hạng Vũ không tin bọn Chung Li Mạt nữa. Sinh nghi rồi, Hạng vương sai sứ sang Hán. Hán vương đãi sứ bằng cỗ thái lao. Lúc tiếp kiến sứ giả, Hán vương giả vờ kinh ngạc, nói:

Ta ngỡ là sứ giả của Á phụ, hoá ra sứ giả của Hạng vương.

Rồi cho bùng mâm cỗ thái lao đi mà chỉ thết sứ giả của Sở một bữa cơm rau tồi tệ, sứ giả về báo cáo hết với Sở vương. Quả nhiên Sở vương ngờ vực Á phụ. Á phụ muốn tấn công, hạ gấp thành Vinh Dương. Hạng Vũ không tin, không chịu nghe. Biết bị Hạng vương ngờ, Á phụ giận nói:

Việc thiên hạ êm đẹp lắm rồi, xin Đại vương tự lo liệu lấy, cho phép năm xương tàn này được rút lui.

Á phụ ra đi, chưa tới Bành thành thì lên hậu bối, chết[\[167\]](#).

Trần Bình cho hai ngàn đàn bà con gái đang đêm theo cửa đông thành Vinh Dương kéo ra[\[168\]](#). Quân Sở được dịp vây đánh. Trần Bình bèn cùng Hán vương đang đêm theo cửa tây ra thoát thành Vinh Dương. Vào Hàm Cốc thu thập tàn quân, Hán vương lại tiến sang đông.

Năm sau, Hoài Âm hầu phá Tề, tự lập Tề vương, cho sứ về tâu Hán vương. Hán vương nổi giận, chửi rủa lên. Trần Bình khẽ giẫm chân Hán vương[169]. Hán vương hiểu ý, hậu đãi sứ Tề, sai Trương Tử Phòng tấn phong Hàn Tín làm Tề vương. Phong cho Bình làm Hộ Dũ.

Theo kế của Trần Bình, rốt cuộc Hán diệt xong Sở.

Với chức vị hộ quân trung uý, Trần Bình từng theo đi dẹp yên Yên vương là Tang Đồ[170].

Năm thứ sáu đời Hán[171]. Có người dâng thư mật báo rằng Sở vương[172] Hàn Tín làm phản. Cao đế hỏi ý kiến các tướng lĩnh. Các tướng nói:

Xin kíp đem quân chôn sống thẳng nhai đi.

Cao đế không nói gì. Hỏi Trần Bình. Trần Bình từ tạ không trả lời ngay mà hỏi lại:

Các tướng nói sao?

Cao đế kể lại hết cho Bình nghe. Bình hỏi:

Đã ai biết kẻ dâng thư mật báo việc Hàn Tín mưu phản kia là người nào chưa?

Cao đế đáp:

Chưa.

Tín có biết không?

Không.

Quân của Bệ hạ so với quân của Sở (Hàn Tín), có tinh nhuệ hơn không?

Không hơn được.

Các tướng của Bệ hạ có người nào cầm quân giỏi hơn Hàn Tín không?

Không có ai giỏi bằng.

Quân không tinh nhuệ bằng quân Sở, tướng cũng không tài bằng, mà lại đòi đi đánh người ta thì tức là đẩy người ta vào cái thế chiến, tôi trộm lấy làm nguy cho Bệ hạ.

Vậy thì làm thế nào?

Xưa, thiên tử đi tuần thú thì họp chư hầu[173]. Phương nam có chằm Vân Mộng, Bệ hạ chỉ việc vờ đi chơi chằm Vân Mộng mà hội chư hầu ở nước Trần. Nước Trần tiếp giáp phía tây nước Sở. Tín nghe tin thiên tử đi chơi (không mang theo quân đội) thì tất cho rằng không có chuyện gì và sẽ ra khỏi cõi để nghênh yết Bệ hạ. Nhân cơ hội hấn đến nghênh yết đó, Bệ hạ cho bắt hấn, đó chỉ là công việc của một kẻ lược sĩ mà thôi.

Cao đế lấy làm phải, bèn cho sứ giả thông báo cho chư hầu đến hội ở nước Trần, thông cáo nói:

“Ta sẽ nam du Vân Mộng”.

Sau khi sai sứ giả đi thông cáo, Cao đế lên đường ngay. Đi chưa tới Trần thì quả nhiên Sở vương Tín đón đường nghênh yết. Cao đế đã mang theo vũ sĩ, vừa thấy Tín đến là cho bắt liền, bỏ lên xe đem đi. Tín kêu to:

“Thiên hạ dẹp yên rồi, cố nhiên ta bị luộc!”[174]

Cao đế ngoảnh lại bảo:

Mi đừng kêu nữa! việc mi mưu phản đã rõ ràng rồi!

Vũ sĩ trói quặt hai tay Tín ra sau lưng.

Rồi Hán vương hội chư hầu ở nước Trần và định xong đất Sở.

Về tới Lạc Dương, Cao đế xá tội[175] cho Tín, giáng xuống làm Hoài Âm hầu, cùng các công thần chia con dấu[176] và định công phong thưởng.

Đến lượt chia con dấu cho Bình. Bình được phong kế thế bất tuyệt[177] làm Hộ Dũ hầu. Bình từ tạ:

Đâu có phải là công của thần!

Cao đế nói:

Ta theo kế hoạch của Tiên sinh, chiến thắng được quân địch, như thế chẳng phải là công của Tiên sinh thì còn là gì?

Nếu không có Ngụy Vô Tri thì thần đâu được tiến cử.

Như ông thật là người thủy chung, không quên cội.

Bèn thưởng cả cho Ngụy Vô Tri.

Năm sau, với chức hộ quân trung úy, Bình theo Cao đế đi đánh Hàn vương Tín làm phản ở nước Đại[178]. Sau đến Bành Thành, bị quân Hung Nô vây, bảy ngày không có gì ăn, Cao đế nhờ kì kế của Trần Bình, sai người đi nói với vợ Mặc Độc, tức là “yên chi”[179] của thiên vu[180] Hung Nô, mới được giải vây. Cao đế thoát vòng vây rồi, người đời không ai còn được biết kì kế của Trần Bình nữa[181]. Cao đế đi qua Khâu Ngộ ở miền nam; trèo lên thành này, trông thấy nhà cửa đồ sộ, ông nói:

Huyện hùng tráng quá! Ta đi khắp thiên hạ, chỉ thấy có Lạc Dương và đây là hùng tráng.

Nói rồi, quay lại hỏi quan ngự sử:

Khâu Ngộ có bao nhiêu hộ?

Đáp:

Thưa, lúc đầu đời Tần, có hơn ba vạn hộ[182], mấy lần binh hoả xảy ra, dân trốn đi nhiều, hiện nay còn năm ngàn hộ.

Bèn xuống chiếu chỉ cho quan ngự sử đổi Trần Bình làm Khâu Ngộ hầu, được hưởng trọn vẹn cả huyện[183], trừ phần trước được hưởng ở Hộ Dũ. Về sau với chức hộ vệ trung úy, Trần Bình theo đi đánh Trần Hi, rồi lại theo đi đánh Kinh Bố[184], cả thấy sáu lần bày kì kế, sáu lần được gia tăng thực ấp và hộ số. Có những kì kế được giữ kín, đời không ai được biết.

Phá xong Kinh Bố, Cao đế bị đau vì vết thương[185] nên lúc trở về Tràng An, phải đi thông thả. Yên vương Lưu Uyển làm phản, Cao đế sai Phàn Khoái, với danh hiệu là tướng quốc, đem quân đi đánh. Đi rồi, Khoái bị người nói xấu. Cao đế giận, nói:

Thằng Khoái nó thấy mình đau, nó mong mình chết!

Nghe mưu của Trần Bình, Cao đế vời Giáng hầu Chu Bột đến trước long sàng nhận chiếu chỉ, chiếu rằng:

“Trần Bình cấp tốc dẫn Bột bằng phương tiện dịch xá[186] đi thay tên Khoái cầm quân. Đến quân doanh, Bình phải lập tức chém đầu tên Khoái”.

Nhận chiếu chỉ rồi, hai người cấp tốc lên đường. Dọc đường, bàn nhau:

Phàn Khoái là chỗ cốt tri của hoàng thượng, có nhiều công trạng, lại là chồng của Lữ Tu, em gái của Lữ hậu, vừa họ thân lại vừa quan sang; hoàng thượng trong lúc tức giận thì muốn chém, nhưng e rồi sẽ hối. Bắt điếu về trình hoàng thượng, để ngài tự giết lấy thì là hơn.

Chưa tới quân doanh đã cho lập đàn và dùng cờ tiết[187] vời Phàn Khoái đến. Khoái vừa đỡ lấy chiếu chỉ thì bị trói hai tay quặt ra sau lưng và bỏ vào xe tù, cấp tốc đưa thẳng về Trường An. Giáng hầu được lệnh thay Khoái, cầm quyền chỉ huy đem quân bình định những huyện của Yên đã bị bức hiếp mà chống lại Hán.

Dọc đường, Bình được tin Cao đế băng. Sợ Lữ hậu nghe lời Lữ Tu gièm pha mà nổi giận, Bình gấp rút bỏ về trước. Gặp sứ giả đem di chiếu truyền cho Bình và Quán Anh đem quân đi đóng Vinh Dương[188]. Bình nhận chiếu xong, lập tức lại vội vã về thẳng cung, khóc lóc rất thảm

thiết, và trước linh cửu Cao đế, thừa dịp, trình bày việc Cao đế sai mình ra đi (trị tội Phàn Khoái) cho Lữ hậu nghe. Lữ hậu thương hại nói:

Ông vất vả quá, thôi, ra mà nghỉ.

Sợ lời gièm pha tác hại, Bình nhân tiện cố xin cho phép được lãnh việc “túc vệ” [\[189\]](#) trong cung; Lữ hậu cho làm lang trung lệnh [\[190\]](#) và bảo:

Xin trông nom dạy dỗ giúp Hiếu Huệ [\[191\]](#).

Nhờ đó, lời gièm của Lữ Tu sau này thành vô hiệu quả. Phàn Khoái tới kinh, được xá tội, phục tước và phong ấp như cũ.

Năm thứ 6 đời Hiếu Huệ đế [\[192\]](#), tướng quốc Tào Tham mất, An Quốc hầu Vương Lăng được cử làm hữu thừa tướng [\[193\]](#), Trần Bình là tả thừa tướng. Vương Lăng là người đất Bái, vốn là tay hào cường trong huyện, lúc Cao tổ còn hàn vi, làm việc theo cảm tình và hay nói thẳng. Khi Cao tổ nổi lên ở đất Bái, tiến vào Hàm Dương, Lăng cũng tụ đảng được vài ngàn người đồng ở Nam Dương, không chịu theo Bái công. Đến lúc Hán vương về đánh Hạng Tịch, Lăng mới đem quân về với Hán. Hạng Vũ bắt mẹ Lăng đóng cũi, nhưng khi sứ giả của Lăng đến thì Hạng Vũ lại cho mẹ Lăng ngồi ngành mặt về phương đông [\[194\]](#), có ý bảo ngầm rằng mình muốn mời Lăng. Mẹ Lăng lên tiền Sứ giả, khóc mà rằng:

Xin nói giúp với Lăng phải một lòng thờ Hán vương. Hán vương là một bậc trưởng giả. Chớ có vì già này mà đổi dạ. Già xin lấy cái chết để tiễn chân Sứ giả.

Nói rồi, lấy gươm tự vẫn chết. Hạng vương giận, cho luộc mẹ Lăng. Rốt cuộc, Lăng thờ Hán vương, bình định được thiên hạ. Ung Xỉ là người Cao tổ không ưa, Lăng lại chơi thân với Ung Xỉ, vả lại (thoạt kì thủy) đã không có ý muốn theo Cao tổ, vì lẽ đó, Lăng được phong muện làm An Quốc hầu [\[195\]](#). An Quốc hầu ở chức hữu thừa tướng được hai năm thì Hiếu Huệ đế băng. Cao hậu [\[196\]](#) muốn phong vương cho các người họ Lữ, hỏi ý Vương Lăng, Lăng nói:

Không nên.

Hỏi ý Trần Bình, Bình nói:

Nên.

Lữ hậu giận Vương Lăng, thăng Lăng lên làm thái phó dạy hoàng đế, sự thực là không dùng Lăng nữa [\[197\]](#). Lăng giận, cáo bệnh xin từ chức; từ đó, đóng cửa không vào chầu, được bảy năm thì mất.

Lăng rời ghế hữu thừa tướng, Lữ thái hậu cử Trần Bình lên thay. Tích Dương hầu Thẩm Dị Cơ được cử giữ chức tả thừa tướng. Quan tả thừa tướng không đặt riêng trị-sự-sở, mà thường làm việc ở trong cung. Dị Cơ cũng là người đất Bái. Lúc Hán vương thua ở tây Bành Thành, Sở vương bắt thái thượng hoàng và Lữ hậu làm con tin, thì Dị Cơ, với tư cách một “xá nhân” [\[198\]](#) hầu hạ Lữ hậu. Về sau, theo đi đánh phá được quân Hạng Tịch, được phong hầu và được Lữ thái hậu tin yêu. Đến khi được làm tả thừa tướng thì ở trong cung, bách quan giải quyết mọi việc đều phải nhất nhất hỏi ý kiến Dị Cơ trước. Vẫn giận về việc Trần Bình trước kia đã bày mưu giúp Cao đế bắt Phàn Khoái, Lữ Tu (em gái Lữ hậu, vợ Phàn Khoái) thường nói xấu Trần Bình:

Trần Bình làm thừa tướng mà chẳng chăm lo chính sự, suốt ngày chỉ rượu và gái.

Câu nói tới tai Trần Bình. Trần Bình ngày càng làm già. Lữ thái hậu thấy vậy, riêng lấy làm mừng [\[199\]](#), nói với Trần Bình ngay trước mặt Lữ Tu rằng:

Tục ngữ có câu: “Lời đàn bà thì gác ngoài tai” [\[200\]](#); chỉ cốt lòng ông đối với ta thế nào cho phải là được, chớ ngại lời Lữ Tu gièm pha.

Lữ thái hậu phong vương cho các người họ Lữ. Trần Bình vờ thuận. Đến lúc Lữ hậu mất, Bình cùng với thái úy Chu Bột lập mưu giết hết cánh họ Lữ mà lập Hiếu Văn hoàng đế lên nối ngôi, đấy mới là chủ ý đích thực của Trần Bình. Thẩm Dị Cơ mất chức thừa tướng.

Hiếu Văn để lên ngôi, cho rằng thái úy Bột đã đích thân cầm quân giết cánh họ Lữ, công trạng nhiều; Trần Bình muốn nhường ngôi cao cho Bột, nên mới kiếm cớ nói thác ra mình đau. Hiếu Văn để vừa lên ngôi thấy Bình kiếm cớ cáo ốm thì lấy làm lạ, hỏi thẳng Bình. Bình thưa: Sinh thời đức Cao tổ, công trạng của Bột không bằng công trạng của thần. Trong việc giết cánh họ Lữ, thần không có công bằng Bột. Thần xin nhường ngôi hữu thừa tướng cho Bột.

Hiếu Văn để bèn để Giáng hầu Bột làm hữu thừa tướng, đứng đầu bách quan; Bình xuống làm tả thừa tướng, đứng hàng thứ nhì. Bình được tặng ngàn cân vàng, phong thêm ba ngàn hộ. Ít lâu sau, đã hiểu và quen việc quốc gia hơn, Hiếu Văn để một lần lâm triều hỏi hữu thừa tướng Bột rằng:

Một năm, thiên hạ mấy lần xét xử việc hình ngục?

Bột xin lỗi, nói:

Thần không rõ.

Lại hỏi:

Một năm, trong thiên hạ chi, thu bao nhiêu tiền, thóc?

Bột lại xin lỗi:

Thần không rõ.

Và mồ hôi Bột đổ ra ướt đầm lưng, xấu hổ vì không trả lời được. Hoàng đế bèn đem câu hỏi, hỏi tả thừa tướng Bình. Bình nói:

Đã có các quan chuyên trách.

Hoàng đế hỏi:

Ai chuyên trách?

Bệ hạ hỏi việc hình ngục thì xin hỏi quan đình úy. Về tiền, thóc thì xin hỏi quan trị túc nội sử^[201].

Nếu mọi việc đã có quan phụ trách cả rồi, thì ông làm gì nhỉ?

Bình xin lỗi, nói:

Thần rất lấy làm sợ hãi! Bệ hạ không biết rằng thần ngu lậu, cho thần được lạm ở ngôi tể tướng. Nhiệm vụ của tể tướng là trên thì giúp thiên tử điều lí âm dương, thuận dụng tứ thời; dưới thì trông nom cho vạn vật được yên ổn thoải mái; ngoài thì trấn trị võ về bốn rợ và các nước chư hầu; trong thì giúp đỡ trăm họ, khiến cho các quan khanh, đại phu đều được người nào thi hành chức vụ người ấy.

Hiếu Văn để khen phải. Quan hữu thừa tướng ngượng quá, lúc lui ra, trách Trần Bình: Thế mà ông không dạy trước tôi câu trả lời!

Trần Bình cười:

Thế ra ông ở chức vị mà không biết được chức vụ à? Vả lại giá như hoàng thượng hỏi: ở Trường An có bao nhiêu trộm cướp, thì ông cũng trả lời bừa đi hay sao?

Bấy giờ, Giáng hầu biết tài năng mình thua Trần Bình xa. Ít lâu sau, Giáng hầu cáo bệnh xin từ chức. Trần Bình một mình giữ chức thừa tướng^[202].

Năm thứ hai đời vua Hiếu Văn đế^[203], quan thừa tướng Trần Bình mất, tên thụy là Hiến hầu^[204]. Con là Trần Mãi được tập tước hầu thay cha, sau, thụy là Cung hầu. Được hai năm, Trần Mãi mất, con là Trần Khôi được tập tước phong hầu thay cha, sau, thụy là Giản hầu. Hai mươi ba năm sau, Trần Khôi mất, con là Trần Hà được tập tước phong hầu thay cha. Hai mươi

ba năm sau[205], Hà mắc tội cưỡng đoạt vợ người, bị xử chém giữa chợ và bị “quốc trù” mất hết tước lộc.

Trước Trần Bình có nói: “Ta nhiều mưu ngầm, đó là điều Đạo gia[206] cấm kị. Đời ta hết là thôi, sẽ không còn góc đầu được nữa, là vì trong chỗ không ai biết, ta đã gieo nhiều mầm hoạ”. Về sau, chất chứt của ông là Trần Chưởng, nhân là thân thích họ Vệ[207], có xin tặc phong cho họ Trần, nhưng rốt cuộc cũng không được.

Thái sử công nói:

Quan thừa tướng Trần Bình thuở trẻ vốn thích đạo thuật của Hoàng đế, Lão tử[208]. Từ lúc chia phần thịt dăm, vốn đã có chí lớn rồi! Lanh quanh nghiêng ngửa giữa khoảng Sở, Ngụy, rốt cuộc theo thờ Hán Cao Tổ. Thường đưa ra nhiều mưu lạ, giải cứu được những nạn rối rắm khó gỡ, làm cho quốc gia vượt khỏi nhiều mối lo âu. Đến thời Lữ hậu, biết bao nhiêu việc xảy ra, mà Trần Bình chung qui vẫn thoát, còn làm cho tôn miếu vững vàng[209]; trọn đời giữ được vinh danh, xưng là hiền tướng, há chẳng phải là “thiện thuỷ thiện chung” đấy ư. Không có trí mưu, thì làm sao được thế?

[\[1\]](#) Bản đồ được chụp lại từ cuốn *Sử Ký Tư Mã Thiên*, Nxb Văn học, Quý IV năm 2011, trang 18 và 19. (Goldfish).

[\[2\]](#) Hán Vũ Đế dùng tới 11 niên hiệu (các vua trước không hề dùng niên hiệu) mới đầu là Kiến Nguyên, rồi tới Nguyên Quang, Nguyên Sóc..., cuối cùng là Hậu Nguyên. Thái Sơ là niên hiệu thứ bảy.

[\[3\]](#) Tức Burton Watson trong cuốn *Ssu-Ma Ch'ien, grand historian of China*, Columbia University Press – 1963. (Goldfish).

[\[4\]](#) Nhưng *Tấn thư* vẫn giữ phần đó và gọi là Tái ký.

[\[5\]](#) Túc trích trong thiên 32: *Tề Thái Công thế gia* 齐太公世家

[\[6\]](#) Tức năm 865 trước T.L. (Goldfish).

[\[7\]](#) Li công 釐公

[\[8\]](#) Tức năm 684 tr. T.L. (Goldfish).

[\[9\]](#) Tức năm 681 tr. T.L. (Goldfish).

[\[10\]](#) Xem *Thích Khách Liệt Truyện* ở dưới.

[\[11\]](#) Nền đất nơi hội minh, cao ba thước, có ba bậc.

^[12] Năm thứ bảy (tức năm 679 tr. T.L), tại đất Chân, Tề Hoàn công triệu tập bốn nước chư hầu
Tổng, Trần, Thái, Chu cùng hội minh (theo <http://zh.wikipedia.org/wiki/%E9%BD%8A%E6%A1%93%E5%85%AC>).
(Goldfish).

[\[13\]](#) Túc trích trong thiên 38: *Tống Vi Tử thế gia* 宋微子世家

^[14] Tám tức năm 643 tr. T.L. Tề Hoàn công chết, nước Tề sinh nội loạn, Tổng Tương công thống lĩnh liên minh Tống, Vệ, Tào và Chu tiến vào Tề, hợp sức với lực lượng người Tề để đưa Tề Hiếu công lên ngôi. (Theo http://vi.wikipedia.org/wiki/T%E1%BB%91ng_T%C6%B0%C6%A1ng_c%C3%B4ng). (Goldfish).

[\[15\]](#) Nước Tống là hậu duệ nhà Thương. Nói “Trời bỏ nhà Thương” là nói: Trời không giúp Tống nữa.

[\[16\]](#) Túc trích trong thiên 39: *Tấn thế gia* 晋世家

[\[17\]](#) Tức năm 657 tr. T.L. (Goldfish).

[\[18\]](#) Tức năm 655 tr. T.L. (Goldfish).

[\[19\]](#) Tề Khương, con gái của Tề Hoàn công, là vợ chính của Tấn Hiến công. (Goldfish).

[\[20\]](#) Quan trông coi việc bếp nước cho vua.

[\[21\]](#) Quan phụ trách những công việc bí mật, riêng tư trong cung đình (chẳng hạn như chuyển lệnh của vua đòi các cung tần vào hầu).

[\[22\]](#) Tức năm 608 tr. T.L. (Goldfish).

[\[23\]](#) Tư Nghê: nguyên văn là 鉏覺
http://vi.wikipedia.org/wiki/T%E1%BA%A5n_Linh_c%C3%B4ng phiên âm là: Sử Nghê.
(Goldfish).

[\[24\]](#) Làm quan: nguyên văn là *hoạn* 宦

[25] Theo trang http://www.guoxue.com/shibu/24shi/shiji/sj_039.htm thì *Thị Mị Minh* 示眯明 Ề Di Minh 提彌明 Ờ Truyên. Theo trang http://vi.wikipedia.org/wiki/T%E1%BA%A5n_Linh_c%C3%B4ng thì “Ờ Truyên mô tả khác với *Sử ký*, theo đó cứu Triệu Thuần có tới 2 người chứ không phải một người. Ề Di Minh không phải người từng được Triệu Thuần cứu lúc đói khát. Sau khi đánh chết chó Ngao, Ề Di Minh đánh quân túc vệ của Tấn Linh công chặn đường cho Triệu Thuần chạy thoát nhưng cuối cùng cũng bị số đông đánh chết. Triệu Thuần đang chạy thì được người học trò là Linh Chiếp – đây mới là người mang ơn Triệu Thuần cứu khi đói – đến đánh chặn cho Triệu Thuần chạy thoát”. Ngoài ra, theo bài “*Ngòi viết Đồng Hồ*” thì Ề Di Minh là viên hữu xạ của Triệu Thuần chứ không phải là đầu bếp của Tấn Linh công (<http://vdict.com/Ng%C3%B2i+vi%E1%BA%Bft+%C4%90%E1%BB%97ng+H%E1%BB%97> (Goldfish)).

[\[26\]](#) Nghĩa là: chính phạm không phải ông thì còn ai?

[\[27\]](#) Túc trích trong thiên 41: *Việt Vương Câu Tiễn thế gia* 楚王句踐世家

[\[28\]](#) Ý nói chết chém, bêu thây ở chợ.

[\[29\]](#) 24 lạng. Có chỗ chép: một dật là 20 lạng.

[\[30\]](#) Một đơn vị tiền tệ thời xưa. Thời Tần, kim cũng cũng như dật: 24 lạng. Thời Hán: kim là một cân, tức 16 lạng.

[\[31\]](#) Nguyên văn: “Thử Chu công chi kim, hữu như bệnh bất túc”. Tần Đồng Bồi (*Quảng Chú Sử Kí Tinh Hoa* – Thế giới thư cục ấn hành) cắt nghĩa năm chữ sau là “Hảo tượng thị tạm thời hữu liễu bệnh nhất dạng”.

[\[32\]](#) Các đời Ngu, Hạ, Thương, Chu dùng ba thứ tiền: Đỏ, trắng và vàng, gọi là “Tam tiền”.

[33] Lụa: nguyên văn là *mại* 賣

[\[34\]](#) Túc trích trong thiên 43: *Triệu thế gia* 趙世家

[\[35\]](#) Một trong lục khanh.

[36] Tấn Linh công vô đạo, tàn bạo, mấy lần định giết Triệu Thuần, Triệu Thuần thoát chết, bỏ trốn, chưa ra khỏi đất Tấn thì ở triều, Triệu Xuyên, em Triệu Thuần, giết Linh công. (Xem bài *Tấn Linh công không giữ đạo làm vua ở trên*).

[\[37\]](#) Tiên vương: tức Tấn Thành Công (606-500 tr.T.L), cha của Tấn Cảnh công (599-581 tr.T.L). Sau khi Tấn Linh công (620-607 tr.T.L) bị giết, Triệu Thuần lập chú của Tấn Linh công làm vua, tức Tấn Thành công. (Goldfish).

[\[38\]](#) Nghĩa là con cháu không còn được tập ấm làm quan.

[\[39\]](#) Nguyên văn là Triệu “*thị*”.

[\[40\]](#) Nguyên văn là Doanh “*tính*”.

[\[41\]](#) Triệu Tuyên Mạnh: tức Triệu Thuần, cũng gọi là Triệu Tuyên Tử. (Theo <http://zhidao.baidu.com/question/174597738>). (Goldfish).

[\[42\]](#) Nghĩa là xuống tuổi vàng báo tin cho mấy người kia rằng việc đã thành.

[\[43\]](#) Túc trích trong thiên 47: *Khổng Tử thế gia* 孔子世家

[44] Nguyên văn: *Cương nhi kỉ chi, thống nhi lí chi*. Nghĩa là: (người ươm tơ) gỡ kén ra thành sợi, đánh sợi lại thành lóng.

[\[45\]](#) Túc thiên 48: *Trần Thiệp thế gia* 陳涉世家

[\[46\]](#) Con yến, con sẻ ví với hạng người tầm thường thiển cận; con hồng, con học tượng trưng hạng người có chí lớn. [“Chí con hồng, con học” là một danh ngôn, nguyên văn: *Hồng học chí chí* 鴻鵠之志]

[\[47\]](#) Tức năm 209 trước T.L.

[\[48\]](#) Có ý mách khéo: Nên lợi dụng thần quyền mà gây uy tín.

[\[49\]](#) Nghĩa là Trần Thắng làm vua.

[\[50\]](#) Ba chữ “*mình. Nhân lúc*” là do tôi tạm ghi thêm. Nguyên văn cả đoạn: “*Ngô Quảng tố ái nhân, sĩ tốt đa vi dụng giả. Tương úy túy...*” 吳廣素愛人，士卒多為用者。將尉醉...

[\[51\]](#) Tướng, tướng: nguyên văn là: 将相

[\[52\]](#) Để tỏ ý tham gia cuộc khởi nghĩa.

[\[53\]](#) Tức phó tướng.

[\[54\]](#) Túc huyện tá (phụ tá tri huyện), có nhiệm vụ giữ thành.

[\[55\]](#) Theo chế độ nhà Tần, 10 dặm là một “đình”, đứng đầu là một Đình trưởng; 10 đình là một hương, có chức Tam Lạo coi việc giáo hoá.

[\[56\]](#) Nghĩa là mở rộng nước Sở.

[\[57\]](#) Tức vua tạm thời, nay gọi là “lâm thời”.

[\[58\]](#) Nay thuộc tỉnh Hà Nam, ở phía tây nam huyện Vinh Trạch, (chứ không phải thuộc huyện Vinh Dương bây giờ). [Vinh Dương: nhiều bản chữ Hán trên mạng chép là *Huỳnh Dương* 滎陽]

[\[59\]](#) Nguyên văn: tuần hành và tuyên lệnh, cũng nghĩa như “kinh lược”, ở đây đồng nghĩa với “lược” nghĩa là cướp. [Có lẽ “tuấn hành là tuyên lệnh” in lầm thành “tuấn hành và tuyên lệnh”. Nhiều bản chữ Hán trên mạng chỉ chép là “tuấn” 徇*hành*: “Lệnh Trần nhân Vũ Thần, Trương Nhĩ, Trần Dư tuần Triệu địa” 令陳人武臣，張耳，陳余徇趙地

[\[60\]](#) Một tước hiệu.

[\[61\]](#) Xem Hạng Vũ bản kỉ.

[\[62\]](#) Phong hiệu của công tử nước Sở Hoàng Yết. Một trong tứ công tử thời Chiến Quốc.

[\[63\]](#) Một trong Cửu Khanh của Tần, coi việc thuế khoá, cấp dưỡng, quan cao nhất về tài chính.

[\[64\]](#) Tức một nước lớn. Xưa một nước có đủ tài sản binh lực, khả dĩ huy động vạn cổ binh xa và bốn vạn binh mã thì gọi là “nước vạn thặng”.

[\[65\]](#) Ngũ Tù: Hán Thư (Trần Thắng truyện) chép là Ngũ Phùng.

[\[66\]](#) Thời xưa, những người có danh vị, sau khi chết, được đặt một tên riêng gọi là tên thụy. Tên thụy nói lên hành tích lúc sinh tiền. Tương truyền phép đặt tên thụy do Chu Công Đán chế định. Theo Thủy pháp: cầm quyền trị nước mà công nghiệp không có gì đáng kể thì là “Ẩn”.

[\[67\]](#) Trỏ Điền Đảm.

[\[68\]](#) Túc Lữ Thần.

[\[69\]](#) Kinh Bối xưa là tay giang hồ đầu trộm đuôi cướp. Trần Thiệp nổi lên, Bối về với Bà quân Ngô Nhuế.

[\[70\]](#) Nguyên chữ Hán là “Hoả di”, tiếng diễn tả sự kinh thán, do hai chữ *Ha ước* đọc trại ra.

[\[71\]](#) Nguyên văn: *Hoả di! Thiệp chi vi vương trầm trầm dã* 伙頤！涉之為王沉沉者*Hoả*, trong câu này và trong đoạn sau, có bản chép là: *Khoả* 夥

[\[72\]](#) Quan coi về nhân sự, định đoạt về việc bổ dụng thăng thưởng, thuyên chuyển v.v...

[\[73\]](#) Quan phụ trách củ soát những lỗi lầm thất thố (tức như chức giám sát, ngự sử đời sau).

[\[74\]](#) Tức cuối đời Hán Vũ Đế.

[75] Cúng tế bằng con thịt, cúng tế trọng thể.

[\[76\]](#) Túc Trử Thiếu Tôn, người đất Bái, thời Hán. Ông là học trò Vương Thúc, một bậc thầy về Kinh học. Vào khoảng giữa hai vua Nguyên Đế và Thành Đế, ông làm quan đến chức Bác sĩ. Nhân sách của Tư Mã Thiên có chỗ tàn khuyết, ông bổ sung thêm: Võ Đế bản kỉ, Tam vương thế gia, Nhật Giả (phương sĩ) Liệt Truyện, Qui Sách Liệt Truyện v.v... đều do ông bổ khuyết. Bộ *Sử Ký* bản xưa còn truyền lại có chép những bài văn bổ khuyết này của ông.

[\[77\]](#) Túc Giả Nghị. Giả Nghị người Lạc Dương, làm quan Bác sĩ thời Hán Văn Đế, sau làm Thái phó dạy Trường Sa vương và Lương vương. Có làm sách *Tần Thư*. Chết trẻ, mới 33 tuổi.

[\[78\]](#) Từ đây trở xuống là dẫn lời Giả Nghị trong bài *Quá Tầm Luận*.

[\[79\]](#) Túc Thương Ưởng. (Xem: Thương Quân Liệt Truyện ở dưới).

[\[80\]](#) Cũng như “liên hoành”: Liên kết các nước từ đông sang tây để thờ Tần (chủ trương do Trương Nghi đề xướng, chống với chủ trương “hợp tung” (liên kết các nước từ bắc xuống nam để chống Tần) của Tô Tần.

[\[81\]](#) Thương quân lên cầm quyền, đem quân đánh nước Ngụy, nước Ngụy phải dâng các đất ở phía tây Hoàng Hà để cầu hoà.

[\[82\]](#) Có sách chép: “Thu yếu hại chi quận”. Sách *Tần Thư* của Giả Nghị thì chép: “*Bắc* thu yếu hại chư quận”.

[\[83\]](#) Tức Mạnh Thường quân, Bình Nguyên quân, Xuân Thân quân và Tín Lăng quân, “bốn công tử” thời Chiến Quốc.

[\[84\]](#) Dưới “Trung Sơn”, còn hai chữ: Sở, Tề mới phải. Chắc sót.

[\[85\]](#) Các bản chữ Hán chép: “Ước tung, liên hành”. Chữ “liên” ở đây trái nghĩa: đã chủ trương “hợp tung” thì đồng thời không chủ trương “liên hành” được. Sách *Tần Thư* chép là “Li hành”: “làm tan rã kế hoạch liên hành”. Chúng tôi dịch theo *Tần Thư*.

[\[86\]](#) Đất Tần ở cao nên nói là ngựa mặt.

[87] Chín nước: tức lục quốc (Tề, Sở, Yên, Hàn, Triệu, Ngụy) cùng với Tống, Vệ, Trung Sơn. (Theo http://www.guoxue.com/shibu/24shi/shiji/sj_048.htm). (Goldfish).

[\[88\]](#) Hai nước Chu: Đông Chu và Tây Chu. Chu Khảo vương (440-424) lên ngôi, phong cho một người em tên là Yết làm vua ở Hà Nam, gọi là Hà Nam Hoàn công. Hoàn công truyền ngôi cho Uy công, Uy công truyền ngôi cho Huệ công, Huệ công lại phong cho một người con tên là Ban làm vua ở đất Cửng, gọi là Đông Chu, còn đất mình giữ lại gọi là Tây Chu. Từ đó trở đi, có hai nước Chu: Đông Chu và Tây Chu.

[\[89\]](#) Tiếng chỉ chung các triết gia thời Xuân Thu, Chiến Quốc. Lí Tư tâu “xin các Sử quan đốt các sách không phải là Tần Kí”; trừ các quan Bác sĩ, dân gian không được chứa Thi, Thư và sách vở của Bách gia. Ai dám nói chữ Thi, Thư thì chém bỏ ngoài chợ. Dựa vào cổ mà chê kim thì bị diệt tộc”. Thuỷ Hoàng chấp nhận lời tâu này.

[\[90\]](#) Sách chép: mỗi pho tượng lớn (kim nhân) này nặng một ngàn thạch (mỗi thạch là 120 cân), cao hai trượng, gọi là “Ông trọng”.

[\[91\]](#) Túc Khổng Tử, Mặc Tử, hai triết gia lớn và có nhiều ảnh hưởng của Trung Quốc.

[\[92\]](#) Nguyên văn là “Phủ ngưỡng thiên bách chi trung”. Thiên là “thiên phu trưởng”, Bách là “bách phu trưởng”, người đứng đầu một ngàn người, một trăm người.

[\[93\]](#) Ở đây trở các nước từ Hàm Cốc trở về đông.

[\[94\]](#) Ngang hàng: Trước khi kiêm tính Lục Quốc, Tần cũng chỉ là một nước chư hầu như các nước khác, cho nên nói: “Bắt các nước ngang hàng...”

[\[95\]](#) Theo lễ xưa, thiên tử thì thờ bảy miếu. Sách *Lễ Kí* (Vương chế) nói: “Thiên tử thờ bảy miếu, ba “Chiêu”, ba “Mục” và một “Đại tổ”.

[\[96\]](#) Nói Tần Nhị Thế (tức Hồ Hợi, con Thuỷ Hoàng) bị thừa tướng Triệu Cao giết và Tử Anh (cháu Thuỷ Hoàng, con Phù Tô được Triệu Cao lập làm Tần vương) bị Hạng Vũ giết.

[\[97\]](#) Túc thiên 55: *Lưu hầu thế gia* 留侯世家

[\[98\]](#) Năm thứ chín đời Hàn vương An, tức 230 trước T.L, Hàn bị Tần diệt.

[\[99\]](#) Trương Khai Địa và Trương Bình đều làm tướng Hán, nhà rất giàu có, cho nên lúc Hàn bị diệt, trong nhà có tới 300 nô lệ phục dịch.

[\[100\]](#) Tức Tần vương Chính, sau này là Tần Thuỷ hoàng đế. Ở ngôi được 26 năm, Tần vương Chính cải hiệu, xưng Tần Thuỷ hoàng đế, vào năm 221 trước Tây lịch. Hàn bị Tần diệt vào năm thứ 18 đời Tần vương Chính, nghĩa là 8 năm trước khi Tần vương Chính xưng đế, cho nên, ở đây, sử vẫn chép là Tần vương.

[\[101\]](#) Xưa người Trung Hoa nghèo hèn thì mặc áo cộc (Hạt y: đoản bào). Đây ý nói ông già có vẻ thuộc hạng người nghèo hèn.

[102] Sách “Thất Lục” của Nguyễn Hiếu Tự đời Lương có chép “Thái Công binh pháp” gồm 3 quyển. [Chú giải trên trang http://www.guoxue.com/shibu/24shi/shiji/sj_055.htm còn cho biết thêm: Thái Công là Khương Tử Nha, quân sư của Chu Văn vương, được phong làm Tề hầu. (Goldfish)].

[\[103\]](#) Tín cần lẫn nhau là “nhậm”. Giúp đỡ lẫn nhau là “hiệp”.

[\[104\]](#) Mới có tước vương, chưa thật sự cai trị.

[\[105\]](#) Quan coi về quân mã.

[\[106\]](#) Tiết: xem chú thích trong Hạng Vũ Bản kỉ.

[\[107\]](#) Cũng như Tư đồ. Tư đồ vốn là quan cầm đầu ngành giáo dục. Ở đây có nghĩa là thừa tướng hay lệnh doãn (của Sở).

[\[108\]](#) Lịch Dị Cơ: các trang mạng chép là Lịch Tự Cơ 麗食其

[\[109\]](#) Đồng nghĩa với mấy chữ “Dĩ bạo địch bạo”. (Lời Di, Tề phê bình Vũ vương nhà Chu). Lấy vỏ dừa thay vỏ dừa.

[\[110\]](#) Trung ngôn nghịch nhĩ lợi ư hạnh, độc dược khổ khẩu lợi ư bệnh.

[\[111\]](#) Xem chú thích trong Hạng Vũ Bản Kỉ.

[\[112\]](#) Năm Ất Mùi, tức 206 trước Tây lịch.

[\[113\]](#) Xem chú thích trong “Chu công cứu người con thứ” ở trên.

[114] Đường núi, bắc bằng ván. Đường núi có nơi hiểm trở quá, phải bắc ván mới qua được. [Xem http://p1.cncnimg.cn/z/0/3853_32292_0.jpg. (Goldfish)].

[\[115\]](#) Hán vương bình định được Tam Tần vào tháng Tám năm đó. (Xem thêm trong Hạng Vũ Bản Kí), chú thích liên quan đến Tam Tần).

[\[116\]](#) Phong hiệu chứ không phong ấp. Có ý khen Lương là thành tín, đã bỏ Sở mà về với Hán.

[\[117\]](#) Thời xưa hành quân, dọc đường thường cưỡi yên ngựa, dùng thay ghế ngồi. Đây ý nói Hán vương bồn chồn, không kịp đợi về nhà bàn riêng.

[\[118\]](#) Ý nói: Ai có thể cùng ta mưu đồ đại nghiệp, ta sẽ chia cho phần đất từ Hàm Cốc trở về đông.

[\[119\]](#) Kinh Bố: các trang mạng chép là *Kinh Bố* 鯨布

[\[120\]](#) Xem Hạng Vũ Bản Kỉ.

[\[121\]](#) Xem Hạng Vũ Bản Kỉ.

[\[122\]](#) Xem Hoài Âm Hầu Liệt Truyện ở dưới.

[\[123\]](#) Túc năm Đinh Dậu, 204 trước Tây Lịch.

[\[124\]](#) Vinh Dương: các trang mạng chép là Huỳnh Dương 榮陽

[\[125\]](#) Chu Vũ vương đánh được vua Trụ nhà Thương rồi cho tìm con cháu nhà Hạ, tìm được Đông Lâu công, phong cho ở nước Kỉ để thờ phụng vua Hạ Vũ. Ở đây “sách sử” Lịch Dị Cơ nói lầm.

[\[126\]](#) Năm Mậu Tuất, tức năm 203 trước Tây lịch.

[\[127\]](#) Xem Hoài Âm hầu Liệt Truyện ở dưới.

[\[128\]](#) Chư hầu ở đây trở Hàn Tín và Bành Việt (xem Hạng Vũ Bản Kỉ)

[\[129\]](#) Tức năm Canh Tí. Hán vương xưng đế được hai năm. Tức năm 201 trước Tây lịch.

[\[130\]](#) Ở nam cung thành Lạc Dương, trên cao dưới thấp đều có đường đi, gọi là “phức đạo”, cũng gọi là “các đạo” (đường gác).

[\[131\]](#) Người bình dân, không có chức tước gì.

[\[132\]](#) Lúc đó tả hữu đại thần của Cao đế phần nhiều là những người cố cựu, quê ở đất Phòng, đất Bái, cùng là những người nước Tề, nước Sở nên gọi chung là người Sơn Đông.

[\[133\]](#) Một thuật dưỡng sinh của Đạo gia. “Đạo dẫn”: dùng ý chí đưa dắt hơi thở (hút vào thở ra) theo chiều hướng và đường lối nhất định để khang kiện trường sinh.

[\[134\]](#) Lữ Trạch và Lữ Thích Chi đều là anh Lữ hậu và đều được phong hầu năm thứ sáu đời Cao tổ. Lữ Trạch được phong Chu Lữ hầu, Lữ Thích Chi phong Kiến Thành hầu. Vậy đây có sự lẫn lộn.

[\[135\]](#) Túc năm Ất Tị: 196 trước Tây lịch.

[\[136\]](#) Thành ngữ lưu hành thời đó. Nguyên văn chữ Hán: “Mẫu ái giả tử bão”. Câu Hàn Phi dẫn trong thiên “Bị nội” sách Hàn Phi Tử: “Kì mẫu hiếu giả, kì tử bão” hình như cũng lấy từ thành ngữ này. Có sách giảng câu này là: “mẹ yêu con thì bằng thì bế”.

[\[137\]](#) Nghĩa đen là: (con) chẳng giống (cha), nghĩa suy rộng ra là: không hiền, không giỏi.

[\[138\]](#) Trỏ Kinh Bối.

[\[139\]](#) Nghĩa là đừng tính chuyện thủ thắng tức thì.

[\[140\]](#) Tức năm Bính Ngọ: 195 trước T.L.

[\[141\]](#) Lộc Lí: có bản chép là: 用里用 *Lộ*; có bản chép là: 角里角 *Giác* hoặc *Giốc*. (Goldfish).

[\[142\]](#) Thích phu nhân người Định Đào, thuộc đất Sở nên múa được lối Sở.

[\[143\]](#) Trỏ việc tướng nước Đại là Trần Hi làm phản, năm thứ mười đời Cao tổ.

[\[144\]](#) Đoạn này là lời Lưu hầu nói thác ra để rút lui. (Lúc đó Hàn Tín, Bành Việt, Kinh Bố, Trần Hi... đã đều bị Cao tổ giết).

[\[145\]](#) Không ăn cơm.

[\[146\]](#) Theo “Cao Tổ công thần hầu giả biểu” thì Trương Lương thụ phong vào năm thứ sáu đời Cao đế và chết vào năm thứ hai đời Lữ hậu. Như thế là Lương chết 9 năm sau khi Cao tổ băng, chứ không phải sau 8 năm.

[\[147\]](#) Theo Thuy Pháp (sách dạy cách đặt tên thuy): “Thi đức vi *văn*, lập chính an dân viết *thành*” (Thi ân đức là “văn”, lập chính tích yên dân chúng là “thành”. Tên thuy của Lưu hầu chắc đặt theo nghĩa ấy.

[\[148\]](#) Theo Niên Biểu, Trương Bất Nghi tập phong được mười năm thì dính líu vào việc một vụ mưu sát, bị án tử hình. Nhờ có tiền chuộc, án tử được cải ra án “thành đán”, (người bị án này, phải làm mọi công việc khó nhọc trong đó có việc đắp thành).

[\[149\]](#) Tử Vũ tức Đạm Đài Tử Vũ, một môn sinh của Khổng Tử. Trong cuốn *Hàn Phi Tử* của Giản Chi và Nguyễn Hiến Lê có đoạn sau: “Đạm Đài Tử Vũ có dòng mạo người quân tử, Trọng Ni cơ hồ vừa ý nên thu nhận, nhưng ở lâu rồi mới thấy hành vi ông ta không đúng với dòng mạo”. (Goldfish).

[\[150\]](#) Túc thiên 56: *Trần thừa tướng thế gia* 陳丞相世家

[\[151\]](#) Nguyên chữ Hán là *bá* [伯

[\[152\]](#) Nguyên chữ Hán là *Trương phụ* [張負]

[\[153\]](#) Chúng tỏ nhiều người có danh vọng, đứng dẫn lui tới nhà Trần Bình.

[\[154\]](#) Nguyên chữ Hán là *Trương Trọng* [張仲]

[\[155\]](#) Túc xóm Khố Thượng nơi Bình ở lúc đó.

[\[156\]](#) Nghĩa là chức lớn được phần lớn, phận nhỏ được phần nhỏ.

[\[157\]](#) Xem Trần Thiệp thế gia.

[\[158\]](#) Quan trông coi về chiến xa, quân mã.

[\[159\]](#) Túc Ân vương Tư Mã Ngang. (Xem Hạng Vũ Bản Kỉ).

[\[160\]](#) Tức quan tham mưu.

[\[161\]](#) Tháng Ba, năm thứ hai đời Hán, Hán vương vượt Hoàng Hà, Ngụy vương Báo đầu hàng, Ân vương Tư Mã Ngang bị bắt.

[\[162\]](#) Tức như chức “cận thị cảnh vệ” bây giờ. Còn gọi là bội thừa.

[\[163\]](#) Vinh Dương: nhiều bản chép là là *Huỳnh Dương* 榮陽

[\[164\]](#) Hàn vương Tín, người nước Hàn, cùng tên với Hoài Âm hầu Hàn Tín, người nước Sở. (Goldfish).

[\[165\]](#) Vốn là quan chức phụ trách việc tuần sát kinh sự (sau đổi ra là chấp kim ngô), một trong chín vì khanh (cửu khanh); ở đây, chắc là một chức lâm thời đặt ra, vào hàng cửu khanh và có trách nhiệm giám hộ các tướng lĩnh.

[\[166\]](#) Túc Phạm Tăng. Hạng Vũ có ý kính trọng Phạm Tăng như cha nên tôn Phạm Tăng làm Á phụ, tương tự Tề Hoàn công tôn Quản Trọng làm Trọng phụ. (Goldfish).

[\[167\]](#) Xem Hạng Vũ Bản Kỉ.

[\[168\]](#) Để lừa quân Sở vây phía đó mà Hàn vương thoát được ra phía khác.

[\[169\]](#) Có ý bảo ngầm Hán vương đừng làm cho sứ giả của Tề sinh nghi.

[\[170\]](#) Năm thứ năm đời Hán (202 tr. T.L.), mùa thu, Tang Đồ phản Hán, Cao tổ tự cầm quân đi dẹp, bắt được, rồi lập Lưu Uyển lên làm Yên vương, thay Tang Đồ. Trần Bình có đi theo Hán vương trong trận này.

[\[171\]](#) Tức năm Canh Tí: 201 tr. T.L.

[\[172\]](#) Hán diệt xong Hạng vương, cải phong Hàn Tín làm Sở vương đóng đô ở Hạ Bì. – Người mật báo việc Hàn Tín mưu phản này là viên “xá nhân” của Sở vương Hàn Tín, tên là Bôn Hách.

[\[173\]](#) Thiên tử đến một hầu quốc để xem xét chính sự nước ấy, gọi là tuần thú. Theo phép xưa, khi thiên tử “tuần thú” một nước thì vua các nước tiếp cận đều đến ra mắt để báo cáo tình hình nước mình, cho nên nói: “họp chư hầu”.

[\[174\]](#) Thời ấy lưu hành một thành ngữ: “chim hết, gác cung; thỏ chết, lược chó” (“Điều tận, cung tàng; thỏ tử cầu phanh”), cho nên Hàn Tín mới nói: “cố nhiên là ta bị *lược*”, tỏ ý vô hạn phần uất.

[\[175\]](#) Thực ra Tín chưa phạm tội. Nói “xá tội” cho xuôi việc lấy lại đất Sở và giáng tước Tín từ vương xuống hầu.

[\[176\]](#) Xưa, khi phong thưởng, công trạng của bầy tôi được ghi vào một con dấu bằng tre (phù) hoặc một tờ khoán bằng kim khí (thiết khoán) rồi chia con dấu (phấu phù) hoặc cắt tờ khoán ra làm hai, một nửa lưu trữ ở nhà tôn miếu, một nửa giao cho người được phong.

[\[177\]](#) Đòi nợ nối đời kia không dứt.

[\[178\]](#) Sau khi diệt xong Hạng Vũ, Lưu Bang cải phong Hàn vương Tín lên Thái Nguyên là vùng xa xôi, giáp địa giới Hung Nô, do đó Hàn vương Tín làm phản, dẫn Hung Nô vào đánh Hán. Sau này Hàn vương Tín chạy sang nương nhờ bên Hung Nô. (Theo http://vi.wikipedia.org/wiki/H%C3%A0n_T%C3%ADn). (Goldfish).

[\[179\]](#) Nghĩa là vợ vua, là hoàng hậu. Cũng gọi là “nhục chi”.

[\[180\]](#) Nghĩa là vua.

[\[181\]](#) Theo sách Tập giải dẫn lại sách “Hoàn Đàm Tân Luận” thì “Trần Bình đã cho nói với yên chi rằng: Hán có gái đẹp lắm, thiên hạ không ai bằng, nay bị khốn cấp đã kíp cho về rước để hiến cho thiên vu Mặc Độc. Thiên vu mà thấy thì tất mê, mê thì sẽ lạnh nhạt dần với yên chi. Chi bằng, lúc gái Hán chưa tới, cho Hán vương được thoát vây, như vậy sẽ không dâng gái đẹp nữa”. Sách Hung Nô Liệt Truyện chép: “yên chi mới bảo thiên vu rằng: “Hai bên cũng là vua thì không nên làm cho nhau khốn đốn. Nay có lấy được đất Hán, thì rốt cuộc thiên vu cũng chẳng ở được đất Hán nào...”. Mặc Độc hẹn với tướng của Hàn vương Tín là Vương Hoằng và Triệu Lợi (nổi dậy làm phản, hưởng ứng với Mặc Độc) nhưng Hoằng và Lợi không tới, nên Mặc Độc ngờ là họ lập mưu với Hán và thuận nghe lời yên chi khuyên, mở một lối cho Hán vương thoát...”

[\[182\]](#) Tức ba vạn nóc nhà.

[\[183\]](#) Theo chế độ nhà Hán, thì số hộ của những người được phong huyện hầu, khi nhiều khi ít, không nhất định. Ngoài phần thực hộ được cấp, còn lại vẫn thuộc của công. Trong số công thần nhà Hán được phong huyện hầu, chỉ có một mình Trần Bình là được hưởng trọn vẹn cả huyện.

[\[184\]](#) Năm thứ 10 đời Hán, tướng quốc nước Đại là Trần Hi làm phản; năm thứ 11, Hoài Nam vương Kinh Bố làm phản. Hán Cao tổ đích thân đánh dẹp và hai lần Trần Bình cùng đi theo Hán đế.

[\[185\]](#) Cao tổ đương đau, gượng đi đánh Kinh Bối, trận này Cao tổ trúng tên bị thương.

[\[186\]](#) Cũng nghĩa như “Dịch trạm”. Phương tiện dịch xá tức phương tiện chuyển công văn thư tín, phương tiện nhanh nhất.

[\[187\]](#) Túc phù tiết, ta quen gọi là cò tiết hay cò tiết mao. Chịu mệnh vua đi truyền lệnh thì được vua giao cho cò này này đem đi làm bằng.

[\[188\]](#) Cao đế nằm xuống, Lữ hậu sợ các vua chư hầu dòng họ Lưu ở phía đông làm hại các vua chư hầu dòng họ Lữ, cho nên mới dùng di chiếu truyền cho Bình và Quán Anh đóng quân ở Vinh Dương để phòng ngừa.

[\[189\]](#) Cũng nghĩa như “cảnh vệ” hay “túc trực” như ngày nay thường dùng.

[\[190\]](#) Một trong chín vị khanh (Cửu khanh) phụ trách việc thủ vệ cung đình. Thời Hán Vũ đế, đổi tên là Quang lộc huân.

[\[191\]](#) Sử quan truy xưng, nên mới chép là Hiếu Huệ; đáng lẽ phải chép là “Hoàng đế”.

[\[192\]](#) Tức năm Nhâm Tý: 189 trước T.L.

[\[193\]](#) Sau khi Tào Tham mất, Hán bỏ chức tướng quốc mà lập hữu thừa tướng và tả thừa tướng. Thời xưa, trong phía tay mặt (hữu) hơn phía tay trái (tả) cho nên hữu có nghĩa là chánh, tả là phó.

[\[194\]](#) Chỗ ngồi hướng về phương đông dành cho người được quý trọng. Đây, hạng Vũ làm bộ quý trọng mẹ Vương Lăng.

[\[195\]](#) Lăng được phong vào thánh 8 năm thứ 6 đời Hán, sau bọn Tào Tham những 9 tháng, cho nên nói “được phong muộn”.

[\[196\]](#) Lữ hậu là hoàng hậu của Hán Cao tổ Lưu Bang nên còn được gọi là Cao hậu hoặc Hán Cao hậu. Sau khi Cao tổ mất, bà được tôn làm hoàng thái hậu, nên còn được gọi là Lữ thái hậu. (Goldfish).

[\[197\]](#) Vị thái phó ở trên vị tham công (trên thừa tướng) nhưng không có thực quyền, cho nên nói: “sự thực là không dùng”.

[\[198\]](#) Thực khách được giao phó một công việc riêng.

[\[199\]](#) Lữ hậu chuyên dùng Thẩm Dị Cơ, cho nên nói Trần Bình không chịu làm việc thì cho rằng như thế càng dễ cho mình. Bởi vậy mà mừng thầm.

[\[200\]](#) Một câu ngạn ngữ lưu hành lúc đó.

[\[201\]](#) Một trong cửu khanh, trông coi về thóc lúa, vải sợi, tiền bạc; có hai phụ tá giúp việc. Thời Cảnh đế, đổi là đại nông lệnh, đời Vũ đế lại đổi là đại tư nông.

[\[202\]](#) Như thời Tiêu Hà, Tào Tham xưa, không có Hữu thừa tướng, tả thừa tướng.

[\[203\]](#) Túc năm Quý Hợi: 178 tr. T.L.

[\[204\]](#) Sách Thuy Pháp nói: Thông minh, tuần triết là “hiển”.

[\[205\]](#) Theo Cao Tổ Công Thần Hầu Giả Niên Biểu” thì Khâu Ngộ hầu Trần Hà tại vị được 23 năm mới bị “quốc trừ”. Nhiều sách chép khác, có sách chép “tại vị 31 năm”, có sách chép “tại vị 21 năm”, có sách chép “tại vị 33 năm”. Xét ra đều sai.

[\[206\]](#) Trỏ Lão tử và những người theo học thuyết của ông.

[\[207\]](#) Trần Chương là rể đại tướng quân Vệ Thanh, em Vệ hoàng hậu, vợ Hán Vũ đế.

[\[208\]](#) Quen gọi là đạo “Hoàng Lão”: cuối đời Chiến Quốc, Âm Dương gia coi cái học Âm dương ngũ hành là “Đạo của Hoàng đế”. Đầu đời Hán, thuật bói toán chiêm nghiệm thịnh hành, sách nói về môn này được người đương thời gọi là “Hoàng Đế Thư”. Hợp đạo của Hoàng đế (Âm dương ngũ hành, chiêm nghiệm bói toán) với đạo của Lão Tử (mà người thời đó hiểu lầm là đạo trường sinh bất tử) thành ra “đạo Hoàng Lão”. (Theo Hoàng Công Vĩ: *Trung Quốc Triết Học Sử* – trang 186 – Đà Nẵng 1966).

[\[209\]](#) Trỏ việc lập mưu giết cánh họ Lữ, lập Văn đế lên ngôi.

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách : Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>